



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Thành phố Hồ Chí Minh

Số 108 + 109

Ngày 01 tháng 9 năm 2022

MỤC LỤC

Trang

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 15-8-2022- Quyết định số 28/2022/QĐ-UBND ban hành Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lấy ý kiến người dân có đất thu hồi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022. 3

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- 15-8-2022- Quyết định số 2757/QĐ-UBND về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. 9

15-8-2022- Quyết định số 2758/QĐ-UBND về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (đợt 7).

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2022/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường,
hỗ trợ và tái định cư lấy ý kiến người dân có đất thu hồi trên địa bàn
Thành phố Hồ Chí Minh năm 2022**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định, quy định chi tiết thi hành Luật đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật đất đai;

Thực hiện Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 9 tháng 12 năm 2020 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập Thành phố Thủ Đức thuộc Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện Nghị quyết số 27/NQ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về việc cho phép áp dụng thí điểm cơ chế, quy trình đặc thù để rút ngắn thời gian thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và bàn giao mặt bằng dự án có thu hồi đất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 4401/TTr-STNMT-KTĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Công văn số 5187/STNMT-KTĐ ngày 29 tháng 6 năm 2022; Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 5046/BC-STP ngày 29 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định về hệ số điều chỉnh giá đất để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư lấy ý kiến người dân có đất thu hồi trên địa bàn Thành

phố Hồ Chí Minh năm 2022.

2. Hệ số điều chỉnh giá đất ban hành vào đầu kỳ hàng năm này chỉ có ý nghĩa để lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lấy ý kiến người dân có đất thu hồi, không phải là giá đất cụ thể của loại đất thu hồi tại thời điểm quyết định thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Hệ số điều chỉnh giá đất

1. Đối với đất phi nông nghiệp

a) Đất ở

STT	QUẬN/HUYỆN	HỆ SỐ (K)
1	Quận 1	4 - 5
2	Quận 3	4 - 5
3	Quận 4	4 - 8,5
4	Quận 5	4,5 - 5,5
5	Quận 6	3 - 6
6	Quận 7	4 - 6
7	Quận 8	5 - 7
8	Quận 10	5 - 11
9	Quận 11	6 - 8
10	Quận 12	10 - 13
11	Quận Phú Nhuận	5 - 7
12	Quận Tân Phú	7 - 8
13	Quận Tân Bình	4 - 7
14	Quận Bình Thạnh	2 - 5
15	Quận Gò Vấp	8 - 10

STT	QUẬN/HUYỆN	HỆ SỐ (K)
16	Quận Bình Tân	6 - 9
17	Huyện Bình Chánh	8 - 12
18	Huyện Nhà Bè	8 - 15
19	Huyện Cần Giờ	8 - 15
20	Huyện Hóc Môn	8 - 15
21	Huyện Củ Chi	10 - 15
22	Thành phố Thủ Đức	6 - 15

b) Đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

- Đất thương mại, dịch vụ: tính bằng 80% giá đất ở liền kề.

- Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ; Đất sử dụng vào các mục đích công cộng có mục đích kinh doanh; Đất xây dựng trụ sở cơ quan, đất công trình sự nghiệp: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

- Đất giáo dục, y tế: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

- Đất tôn giáo, tín ngưỡng dân gian: tính bằng 60% giá đất ở liền kề.

c) Vị trí đất ở và đất phi nông nghiệp không phải là đất ở.

- Vị trí 1: đất có vị trí mặt tiền đường áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt giáp với đường được quy định trong bảng giá đất.

- Vị trí 2: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 5m trở lên thì tính bằng 0,5 của vị trí 1.

- Vị trí 3: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có ít nhất một mặt tiếp giáp với hẻm có độ rộng từ 3 đến dưới 5m thì tính bằng 0,8 của vị trí 2.

- Vị trí 4: áp dụng đối với các thửa đất, khu đất có những vị trí còn lại tính bằng 0,8 của vị trí 3.

2. Đối với đất nông nghiệp:

STT	QUẬN/HUYỆN	HỆ SỐ (K)
1	Quận 1	30 - 35
2	Quận 3	30 - 35
3	Quận 4	30 - 35
4	Quận 5	30 - 35
5	Quận 6	30 - 35
6	Quận 7	20 - 25
7	Quận 8	20 - 25
8	Quận 10	30 - 35
9	Quận 11	30 - 35
10	Quận 12	15 - 20
11	Quận Phú Nhuận	25 - 30
12	Quận Tân Phú	25 - 30
13	Quận Tân Bình	25 - 30
14	Quận Bình Thạnh	20 - 25
15	Quận Gò Vấp	25 - 30
16	Quận Bình Tân	15 - 20
17	Huyện Bình Chánh	10 - 25
18	Huyện Nhà Bè	10 - 25
19	Huyện Cần Giờ	5 - 10
20	Huyện Hóc Môn	10 - 15
21	Huyện Củ Chi	7 - 15
22	Thành phố Thủ Đức	15 - 25

Các vị trí, đơn giá đất các vị trí đất nông nghiệp được áp dụng theo Điều 3 Chương II (trừ điểm e, Khoản 2) Quy định về Bảng giá đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2024 ban hành kèm theo Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

3. Trong quá trình thực hiện, tùy điều kiện cụ thể của dự án, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và quận, huyện rà soát (mục đích sử dụng đất, vị trí, tuyến

đường) với các dự án đã được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt trong khoảng thời gian không quá 01 năm tại địa phương để cân đối với hệ số điều chỉnh (K) đối với đất ở và đất nông nghiệp được quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Quyết định này để đưa hệ số cụ thể vào phương án bồi thường, hỗ trợ lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi. Trường hợp, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và quận, huyện không có dự án được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt trong khoảng thời gian không quá 01 năm để thực hiện rà soát làm cơ sở xây dựng Phương án thì thực hiện thu thập thông tin tại khu vực (quận, huyện) lân cận có điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội, kết cấu hạ tầng kỹ thuật tương đồng để cân đối với hệ số điều chỉnh (K) đối với đất ở và đất nông nghiệp được quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Quyết định này để đưa hệ số cụ thể vào Phương án bồi thường, hỗ trợ lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi.

Đối với dự án có các trường hợp thu hồi đất có đủ điều kiện bố trí tái định cư thì áp dụng hệ số điều chỉnh (K) tại điểm a khoản 1 Điều 3 Quyết định này để đưa hệ số cụ thể vào Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lấy ý kiến người dân có đất bị thu hồi.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2022 và thay thế Quyết định số 10/2021/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Thủ trưởng các Sở, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận - huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

PHẦN VĂN BẢN KHÁC

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2757/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 6407/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3858/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2019 - 2021 trên địa bàn Thành phố.

Điều 3. Giám đốc các Sở, ban - ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao và nội dung Kế hoạch được ban hành kèm theo Quyết định này để xây dựng các chương trình, kế hoạch, đề án cụ thể, thiết thực nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của
Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc
giao thông giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**
*(Kèm theo Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. MỤC TIÊU

Kế hoạch này xác định các nhiệm vụ và công việc cụ thể mà các cấp chính quyền, các Sở, ban - ngành cần tập trung thực hiện nhằm đảm bảo trật tự an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh trong Vùng kinh tế trọng điểm phía Nam phát triển nhanh và bền vững. Kết hợp chặt chẽ việc thực hiện Kế hoạch triển khai Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

II. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Để tiếp tục giảm tai nạn giao thông, phấn đấu giảm số thương vong do tai nạn giao thông mỗi năm từ 5% đến 10% số vụ, số người chết và số người bị thương do tai nạn giao thông; áp dụng các thành tựu khoa học công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực bảo đảm trật tự an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông, tiến tới xây dựng một xã hội có hệ thống giao thông an toàn, thông suốt, thuận tiện, hiệu quả và thân thiện môi trường; thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-CP, trong giai đoạn 2022 - 2025, bên cạnh các nhiệm vụ thường xuyên, các Sở, ban - ngành, tổ chức chính trị - xã hội cần cụ thể hóa và tổ chức triển khai thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm mà Nghị quyết số 48/NQ-CP đã đề ra, bao gồm:

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, trước hết là tăng cường kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện Kết luận số 45-KL/TW ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp

tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông ⁽¹⁾, Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾. Tiếp tục kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh và các quận-huyện, thành phố Thủ Đức đáp ứng yêu cầu trong tình hình mới.

2. Xây dựng, hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách pháp luật và các quy định liên quan đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nhằm áp dụng kịp thời, hiệu quả các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào thực tiễn. Lồng ghép mục tiêu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vào các quy hoạch ngành, quy hoạch sử dụng đất, xây dựng đô thị, nông thôn, các quy hoạch chuyên ngành về giao thông vận tải và các dự án hạ tầng kỹ thuật. Quản lý chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch, bảo đảm việc xây dựng mới hoặc chỉnh trang các khu công nghiệp, đô thị, các trung tâm thương mại, trường học, bệnh viện... phù hợp với năng lực kết cấu hạ tầng giao thông hiện hữu và vận tải công cộng.

3. Bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm; tổ chức giao thông khoa học, hợp lý; bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông gắn với rà soát, xử lý dứt điểm các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông, các điểm nguy cơ ùn tắc giao thông; xóa bỏ lối đi tự mở trái phép qua đường sắt; ngăn ngừa, xử lý hoạt động lấn chiếm tuyến luồng hàng hải, đường thủy nội địa; bảo vệ an toàn tĩnh không đường tiếp cận và khu bay các cảng hàng không.

4. Nâng cao chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện giao thông vận tải; rà soát, xây dựng, tham gia góp ý để hoàn thiện hệ thống tiêu

¹ Kế hoạch số 331-KH/TU ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thành ủy về thực hiện Kết luận số 45-KL/TW ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông và Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Kết luận số 45-KL/TW ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Ban Bí thư về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 18-CT/TW của Ban Bí thư khóa XI về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa và khắc phục ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

² Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 – 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho phương tiện, linh kiện, vật liệu và hạ tầng để tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh và lưu hành đối với phương tiện thân thiện với môi trường.

5. Tái cơ cấu vận tải, nâng cao thị phần vận tải đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, giảm dần phụ thuộc vào đường bộ; đẩy nhanh tiến độ đầu tư, phát triển hệ thống vận tải công cộng trong đô thị và liên tỉnh gắn với hạn chế sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân.

6. Kiên trì xây dựng văn hóa giao thông an toàn đối với tổ chức, cá nhân xây dựng, thực thi pháp luật, cung ứng hạ tầng, phương tiện, dịch vụ vận tải và tham gia giao thông. Đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông theo hướng lấy thay đổi hành vi làm tiêu chí đánh giá kết quả; đẩy mạnh tuyên truyền trên mạng xã hội và hạ tầng số; vận động, hướng dẫn việc lồng ghép mục tiêu bảo đảm trật tự, an toàn giao thông vào chương trình, kế hoạch và hoạt động của cơ quan, đơn vị, nhà trường, doanh nghiệp.

7. Nâng cao năng lực, hiệu quả thực thi pháp luật về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin; xây dựng và đảm bảo khả năng kết nối, sử dụng chung các cơ sở dữ liệu giữa ngành giao thông vận tải, công an, y tế, bảo hiểm và các cơ quan chức năng có liên quan trong thực thi pháp luật, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và nghiên cứu khoa học về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

8. Nâng cao năng lực cứu hộ, cứu nạn, cứu chữa nạn nhân và khắc phục hậu quả tai nạn giao thông; tập huấn kỹ năng sơ cứu tai nạn giao thông cho nhân viên y tế cơ sở, lực lượng thực thi pháp luật và người tham gia giao thông.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể đã phân công trong Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Chiến lược Quốc gia bảo đảm trật tự an toàn giao thông đường bộ giai đoạn 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, các Sở - ban - ngành, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục căn cứ vào nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch này để xây dựng kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện cụ thể nhiệm vụ tại cơ quan, đơn vị, bảo đảm đạt được yêu cầu về chất

lượng, tiến độ các nhiệm vụ bảo đảm trật tự, an toàn giao thông được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-CP, trong đó tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Giao Thường trực Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện:

a) Phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Công an Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2025 và lập kế hoạch triển khai, dự toán ngân sách thực hiện hàng năm để thực hiện công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thông qua để thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của Thành phố.

b) Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan thông tấn, báo chí tiếp tục đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường theo hướng: đi vào chiều sâu, đúng nội dung, đúng đối tượng, bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, ngắn gọn, dễ hiểu, dễ nhớ, mang lại hiệu quả cao để mỗi người dân tự giác có ý thức chấp hành pháp luật về đảm bảo trật tự an toàn giao thông; phải được thực hiện đến từng công chức, viên chức, công nhân, nhân dân lao động, sinh viên, học sinh; đi sâu vào từng khu dân cư, hộ gia đình; thực hiện tốt công tác vận động quần chúng để người dân tích cực hỗ trợ trực tiếp tuyên truyền cho gia đình, người thân và cộng đồng dân cư; Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, các loại hình văn hóa nghệ thuật dân tộc, các công cụ truyền thông hiện đại để tạo chuyển biến trong hành vi của người tham gia giao thông; tiếp tục duy trì, tăng số lượng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền sinh động về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên tất cả các loại hình báo chí.

c) Phối hợp với Ban Thi đua - Khen thưởng Thành phố không xem xét các hình thức thi đua, khen thưởng hàng năm đối với tập thể Ủy ban nhân dân cấp quận, huyện, phường, xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân - Trưởng ban An toàn giao thông cấp quận, huyện nếu để xảy ra tai nạn giao thông đặc biệt nghiêm trọng trên địa bàn mà nguyên nhân đã được chỉ đạo nhưng chưa khắc phục; gắn trách nhiệm và xử lý kỷ

luật đối với người đứng đầu cấp quận, huyện, phường, xã nếu để xảy ra tình trạng chiếm dụng vỉa hè, lòng đường để kinh doanh buôn bán, đỗ xe trái phép gây cản trở giao thông, phát sinh lối đi tự mở qua đường sắt.

d) Kịp thời tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ các nạn nhân, gia đình nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông.

2. Giao Sở Giao thông vận tải thực hiện các công việc sau:

a) Phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

b) Thường xuyên rà soát, tổ chức giao thông khoa học, hợp lý; thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông gắn với rà soát, xử lý dứt điểm các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn Thành phố.

c) Tập trung các nguồn lực triển khai xử lý ngay các điểm thường xuyên ùn tắc giao thông, hạn chế phát sinh các điểm ùn tắc giao thông, không để xảy ra các vụ ùn tắc giao thông kéo dài trên 30 phút.

d) Triển khai các giải pháp tăng cường, cải thiện an toàn kết cấu hạ tầng giao thông trên Quốc lộ 1, các tuyến quốc lộ, các trục giao thông chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

e) Xây dựng kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng trên địa bàn Thành phố; đôn đốc các Chủ đầu tư bảo đảm tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm theo kế hoạch hàng năm; khi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông cần ưu tiên các hạng mục tiếp cận cho người khuyết tật, người cao tuổi, các đối tượng tham gia giao thông dễ bị tổn thương.

f) Tổ chức nghiên cứu và triển khai thí điểm các làn đường dành cho xe đạp.

g) Tiếp tục chỉ đạo, thực hiện nghiêm công tác kiểm soát tải trọng phương tiện; nghiên cứu đề xuất “xử phạt nguội” hành vi vi phạm tải trọng thông qua các trạm cân tải trọng trên địa bàn Thành phố.

h) Ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức, quản lý điều hành giao thông nhằm tối ưu hóa khả năng thông hành của phương tiện, góp phần kéo giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường như bổ sung camera quan sát giao thông, đèn tín hiệu giao thông; nâng cấp hoặc thay thế các tủ điều khiển tín hiệu giao thông kết nối

về Trung tâm Quản lý Điều hành giao thông, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để xử lý các vi phạm về trật tự an toàn giao thông đối với các lỗi vi phạm như dừng đỗ xe không đúng quy định, xe đi vào đường cấm, giờ cấm, xe quá tải trọng cầu đường.

i) Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp trong Đề án Tăng cường vận tải hành khách công cộng kết hợp với kiểm soát sử dụng phương tiện cơ giới cá nhân tham gia giao thông trên địa bàn Thành phố được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt, phấn đấu đạt chỉ tiêu tỷ lệ đảm nhận vận tải hành khách công cộng đến năm 2025 đạt 15%, trong đó tập trung thực hiện:

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án thu phí phương tiện cơ giới vào một số khu vực trên địa bàn Thành phố có nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường để hạn chế số lượng xe cơ giới đi vào.

- Nghiên cứu xây dựng Đề án phân vùng hạn chế hoạt động của xe máy phù hợp với cơ sở hạ tầng và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng, tiến tới lộ trình hạn chế hoặc dừng hoạt động của xe máy trên một số địa bàn các quận sau năm 2030.

- Thực hiện dự án Tăng cường khả năng tiếp cận và tổ chức kết nối các tuyến xe buýt với các nhà ga thuộc tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành - Suối Tiên theo chỉ đạo của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 07 tháng 4 năm 2022.

- Khuyến khích và tạo điều kiện đầu tư theo hình thức xã hội hóa các phương tiện xe đạp công cộng, xe gắn máy điện công cộng... phù hợp với hiện trạng giao thông để hỗ trợ kết nối các phương thức vận tải hành khách công cộng.

- Phát triển hệ thống xe buýt nhỏ phù hợp với hạ tầng đô thị.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư xe buýt theo từng giai đoạn, phù hợp với hạ tầng cung ứng nhiên liệu và ưu tiên phương tiện sử dụng nhiên liệu sạch và thân thiện với môi trường (năng lượng điện hoặc nhiên liệu thay thế khác phù hợp với xu thế phát triển).

- Triển khai, rà soát, bố trí các vị trí đỗ xe tĩnh trong nội đô và trên địa bàn các quận, thành phố Thủ Đức.

j) Rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức, triển khai xây dựng các trạm dừng nghỉ theo quy hoạch để phục vụ nhu cầu thiết yếu của lái xe, hành khách, phương tiện dọc các tuyến đường Quốc lộ, cao tốc đảm bảo người lái xe không quá 04 giờ là được dừng nghỉ theo quy định.

k) Phối hợp với các đơn vị liên quan xử lý hoạt động lấn chiếm tuyến luồng hàng hải, đường thủy nội địa, bến thủy không phép.

l) Tăng cường kiểm tra, siết chặt kỷ cương và tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe; hợp lý hóa quy trình, phương pháp và nội dung đào tạo sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, sát hạch, đảm bảo công khai, minh bạch; quản lý an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện cơ giới đường bộ, phương tiện thủy nội địa; an toàn trong hoạt động vận tải đường bộ; đường thủy nội địa.

3. Giao Công an Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì thực hiện các công việc sau:

a) Tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các vi phạm quy định về trật tự, an toàn giao thông, trong đó tập trung vào các lỗi vi phạm là nguyên nhân gây ùn tắc giao thông, tai nạn giao thông như: lưu thông không đúng phần đường, chuyển hướng không đúng quy định, không giữ khoảng cách, vi phạm tốc độ, sử dụng rượu bia trong khi điều khiển phương tiện, vận chuyển hàng hóa vi phạm quy định về vận tải đường bộ, tự ý thay đổi hoặc tự ý cải tạo kết cấu, hình dáng, kích thước của xe không đúng thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế trong hồ sơ đã nộp cho cơ quan đăng ký xe...

b) Tăng cường sử dụng kết quả thu được từ các phương tiện, thiết bị kỹ thuật để phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính (kể cả người dân và của các đơn vị quản lý đường bộ), trong đó tập trung vào các lỗi vi phạm: dừng đỗ xe không đúng quy định, vượt đèn đỏ,...

c) Xây dựng kế hoạch triển khai công tác cứu hộ khi xảy ra tai nạn giao thông trên địa bàn Thành phố nhằm rút ngắn thời gian điều động xe cứu hộ đến hiện trường, giải phóng nhanh hiện trường tai nạn giao thông, hoàn trả mặt đường cho các phương tiện lưu thông.

d) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án thành phần số 3 thuộc Đề án 165 “Nâng cấp Trung tâm chỉ huy và lắp đặt hệ thống camera giám sát, chỉ huy điều hành giao thông phục vụ an ninh trật tự, xử lý vi phạm cho Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ-đường sắt, Công an Thành phố Hồ Chí Minh”.

4. Trên cơ sở kế hoạch, dự toán ngân sách thực hiện hàng năm của Thường trực Ban An toàn giao thông Thành phố, giao Sở Tài chính tham mưu bố trí nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định.

5. Giao Sở Quy hoạch - Kiến trúc thực hiện các công việc sau:

a) Chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức xác định công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và giảm ô nhiễm môi trường từ hoạt động giao thông vận tải là một trong các mục tiêu quan trọng khi triển khai, thực hiện các quy hoạch của Thành phố.

b) Phối hợp với Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức quản lý chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch, bảo đảm việc xây dựng mới hoặc chỉnh trang các khu công nghiệp, đô thị, các trung tâm thương mại, trường học, bệnh viện... phù hợp với năng lực kết cấu hạ tầng giao thông và phải bố trí quỹ đất dành cho vận tải công cộng.

6. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - Kiến trúc chỉ tham mưu chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án khu chung cư, nhà cao tầng, trung tâm thương mại khi phù hợp quy hoạch, đáp ứng yêu cầu, quy định về bãi đậu xe, hạ tầng giao thông và kết nối giao thông, đảm bảo không ùn tắc giao thông.

7. Giao Sở Y tế phối hợp với các bộ, ngành liên quan tham mưu thành lập các Trung tâm cấp cứu 115 và nâng cao năng lực các cơ sở y tế hiện có, đảm bảo khả năng cấp cứu tai nạn giao thông theo quy định, ứng trực cấp cứu 24/24h tại các cơ sở khám, chữa bệnh, cơ sở y tế, đảm bảo bán kính phục vụ 50km.

8. Giao Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức, các trường Đại học, Học viện, Cao đẳng tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, kỹ năng tham gia giao thông; tuyên truyền, giáo dục cho học sinh, sinh viên sử dụng phương tiện giao thông

công cộng và văn hóa giao thông khi tham gia giao thông trên phương tiện giao thông công cộng.

9. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức thực hiện các công việc sau:

a) Kiểm tra thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng, xử lý các vi phạm về hành lang an toàn giao thông theo thẩm quyền, không để xảy ra tình trạng chiếm dụng hành lang an toàn giao thông để xây dựng công trình trái phép.

b) Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác quản lý, sử dụng lòng lề đường, vỉa hè trên địa bàn Thành phố; trong đó, tăng cường quản lý trật tự vỉa hè, lòng đường để đảm bảo quyền ưu tiên dành cho người đi bộ; quản lý chặt chẽ hoạt động sử dụng tạm thời vỉa hè, lòng đường làm điểm dừng giữ xe, trung chuyển vật liệu xây dựng...; không để tình trạng chiếm dụng vỉa hè, lòng đường để kinh doanh gây cản trở giao thông.

10. Chế độ báo cáo:

a) Trước ngày 20 của tháng cuối hàng quý, các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức, các tổ chức chính trị - xã hội liên quan đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao theo Phụ lục đính kèm, gửi về Thường trực Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh để tổng hợp báo cáo tại Hội nghị giao ban trực tuyến toàn quốc về công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông.

b) Định kỳ tháng 12 hàng năm, Thường trực Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về tăng cường bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông giai đoạn 2022 - 2025, trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh báo cáo Ủy ban An toàn giao thông Quốc gia.

c) Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc cần thiết bổ sung, điều chỉnh Kế hoạch này, các Sở, ban - ngành, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức, các tổ chức chính trị - xã hội liên quan chủ động phối hợp với

Thường trực Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh đề tổng hợp, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét, quyết định./.

PHỤ LỤC

PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH

(Kèm theo Quyết định số 2757/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
I	Thường trực Ban An toàn giao thông Thành phố Hồ Chí Minh			
1	Kế hoạch bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và chống ùn tắc giao thông trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức	Kế hoạch hàng năm	Năm 2022-2025
2	Đổi mới công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Văn hóa và Thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan thông tấn, báo chí	Kế hoạch thực hiện hàng năm, tổ chức kiểm tra định kỳ	Năm 2022-2025
3	Phát huy vai trò của các tổ chức chính trị xã hội, các loại hình văn hóa nghệ thuật dân tộc, các công cụ truyền thông hiện đại để tạo chuyển	Các tổ chức chính trị - xã hội và cơ quan thông tấn, báo chí	Kế hoạch thực hiện hàng năm	Năm 2022-2025

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
	biến trong hành vi của người tham gia giao thông; tiếp tục duy trì, tăng số lượng chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền sinh động về công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông trên tất cả các loại hình báo chí			
4	Xây dựng tiêu chí cụ thể để xem xét thi đua, khen thưởng hàng năm trong công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông	Ban Thi đua khen thưởng Thành phố	Tiêu chí cụ thể và bình xét hàng năm	Quý IV năm 2022
5	Không xem xét các hình thức thi đua, khen thưởng hàng năm đối với các đơn vị theo tiêu chí đề ra	Ban Thi đua khen thưởng Thành phố	Rà soát, đánh giá và có danh sách cụ thể	Quý IV hàng năm
6	Kịp thời tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ các nạn nhân, gia đình nạn nhân tử vong do tai nạn giao thông theo quy định	Sở Giao thông vận tải, Công an thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức	Chính sách cụ thể	Năm 2022 - 2025
7	Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp được giao tại Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ	Các sở ban ngành có liên quan	Báo cáo hàng quý, sơ kết hàng năm, báo cáo tổng kết	Hàng quý, năm trong giai đoạn 2022 - 2025
II	Sở Giao thông vận tải			

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
8	Rà soát đề xuất sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông	Ban An toàn giao thông Thành phố, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải	Định kỳ đề xuất, báo cáo cụ thể	Năm 2022 - 2025
9	Tổ chức giao thông khoa học, hợp lý; thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa kết cấu hạ tầng giao thông gắn với rà soát, xử lý dứt điểm các điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên địa bàn Thành phố	Ban An toàn giao thông Thành phố, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận huyện, thành phố Thủ Đức	Kế hoạch hàng năm và triển khai thực hiện theo kế hoạch	Năm 2022 - 2025
10	Tập trung các nguồn lực triển khai xử lý ngay các điểm thủng xuyên ụn tắc giao thông, hạn chế phát sinh các điểm ụn tắc giao thông, không để xảy ra các vụ ụn tắc giao thông kéo dài trên 30 phút	Ban An toàn giao thông Thành phố, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận huyện, thành phố Thủ Đức	Kế hoạch hàng năm và triển khai thực hiện theo kế hoạch	Năm 2022 - 2025
11	Triển khai các giải pháp tăng cường, cải thiện an toàn kết cấu hạ tầng giao thông trên Quốc lộ 1, các tuyến quốc lộ, các trục giao thông chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Ban An toàn giao thông Thành phố, Công an Thành phố, Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận huyện, thành phố Thủ Đức	Giải pháp cụ thể cho từng tuyến đường và triển khai thực hiện	Năm 2022 - 2023
12	Đôn đốc các Chủ đầu tư bảo đảm	Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài	Định kỳ kiểm điểm tiến	Năm 2022 -

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
	tiến độ, chất lượng các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông trọng điểm theo kế hoạch hàng năm; các dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông cần ưu tiên các hạng mục tiếp cận cho người khuyết tật, người cao tuổi, các đối tượng tham gia giao thông dễ bị tổn thương	chính, Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông Thành phố, Ban QLDA ĐTXD Hạ tầng đô thị, Ban QLDA ĐTXD các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	độ thực hiện các dự án	2025
13	Tổ chức nghiên cứu và triển khai thí điểm các làn đường dành cho xe đạp	Viện Nghiên cứu phát triển Thành phố, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức	Khảo sát, đề xuất các tuyến đường cụ thể và triển khai thực hiện	Quý IV năm 2022
14	Thực hiện nghiêm công tác kiểm soát tải trọng phương tiện; nghiên cứu đề xuất “xử phạt nguội” hành vi vi phạm tải trọng thông qua các trạm cân tải trọng trên địa bàn Thành phố	Công an Thành phố, Sở Khoa học và Công nghệ	Kế hoạch thực hiện định kỳ và có báo cáo, đề xuất cụ thể	Năm 2022 - 2025
15	Ứng dụng khoa học công nghệ trong tổ chức, quản lý điều hành giao thông nhằm tối ưu hóa khả năng thông hành của phương tiện, góp phần kéo giảm ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường	Công an Thành phố, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và đầu tư	Rà soát, đánh giá và xây dựng kế hoạch hàng năm và triển khai thực hiện	Năm 2022 - 2025

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
16	Nghiên cứu xây dựng, triển khai thực hiện Đề án thu phí phương tiện cơ giới vào một số khu vực trên địa bàn Thành phố có nguy cơ ùn tắc giao thông và ô nhiễm môi trường để hạn chế số lượng xe cơ giới đi vào	Công an Thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân các quận liên quan	Dự án và kế hoạch thực hiện	Quý II năm 2023
17	Nghiên cứu xây dựng Đề án phân vùng hạn chế hoạt động của xe máy phù hợp với cơ sở hạ tầng và năng lực phục vụ của hệ thống vận tải hành khách công cộng, tiến tới lộ trình hạn chế hoặc dừng hoạt động của xe máy trên một số địa bàn các quận sau năm 2030.	Ban An toàn giao thông TP, Công an Thành phố, Sở Quy hoạch - kiến trúc, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Đề án cụ thể và kế hoạch thực hiện	Quý I năm 2024
18	Thực hiện dự án Tăng cường khả năng tiếp cận và tổ chức kết nối các tuyến xe buýt với các nhà ga thuộc tuyến đường sắt đô thị số 1, tuyến Bến Thành - Suối Tiên	Ban Quản lý Đường sắt đô thị, Ủy ban nhân dân các Quận: 1, Bình Thạnh và thành phố Thủ Đức	Kết nối xe buýt công cộng với các nhà ga tuyến metro số 1	Năm 2023
19	Khuyến khích và tạo điều kiện đầu tư theo hình thức xã hội hóa các phương tiện xe đạp công cộng, xe gắn máy điện công cộng... phù hợp	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Phương án và kế hoạch cụ thể, triển khai thực hiện theo kế hoạch	Năm 2022 - 2025

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
	với hiện trạng giao thông			
20	Phát triển hệ thống xe buýt nhỏ phù hợp với hạ tầng đô thị	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính	Phương án và kế hoạch cụ thể, triển khai thực hiện theo kế hoạch	Quý I năm 2023
21	Xây dựng và triển khai kế hoạch đầu tư xe buýt theo từng giai đoạn	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở công thương, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Phương án và kế hoạch cụ thể, triển khai thực hiện theo kế hoạch	Năm 2023
22	Triển khai, rà soát, bố trí các vị trí đỗ xe tĩnh trong nội đô và trên địa bàn các quận, thành phố Thủ Đức	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở công thương, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Phương án và kế hoạch cụ thể, triển khai thực hiện theo kế hoạch	Năm 2023
23	Rà soát, bố trí các vị trí đỗ xe tĩnh trong nội đô và trên địa bàn các quận và thành phố Thủ Đức	Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - kiến trúc, Ủy ban nhân dân các quận và thành phố Thủ Đức	Danh sách, vị trí cụ thể và phương án triển khai thực hiện	Quý I năm 2023
24	Xây dựng các trạm dừng nghỉ theo quy hoạch	Ủy ban nhân dân quận huyện, thành phố Thủ Đức và các đơn vị liên quan	Danh sách, vị trí cụ thể và phương án triển khai thực hiện	Quý IV năm 2022
25	Xử lý hoạt động lấn chiếm tuyến luồng hàng hải, đường thủy nội địa, bến thủy không phép	Cảng vụ Hàng hải Thành phố, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức	Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm và triển khai thực hiện	Bắt đầu từ Quý III năm 2022

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
26	Siết chặt kỷ cương và tiếp tục triển khai ứng dụng công nghệ hiện đại trong công tác quản lý đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe	Sở Lao động thương binh xã hội, Công an Thành phố, Thanh tra Sở GTVT	Xây dựng kế hoạch thực hiện hàng năm và triển khai thực hiện	Quý III năm 2022
III	Công an Thành phố Hồ Chí Minh			
27	Tuần tra, kiểm soát xử lý nghiêm các vi phạm quy định về trật tự, an toàn giao thông	Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Công an các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Công việc thường xuyên	Năm 2022 - 2025
28	Sử dụng kết quả thu được từ các phương tiện, thiết bị kỹ thuật để phát hiện và xử phạt vi phạm hành chính	Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Công an các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Công việc thường xuyên	Năm 2022 - 2025
29	Xây dựng kế hoạch triển khai công tác cứu hộ khi xảy ra tai nạn giao thông trên địa bàn Thành phố	Sở Giao thông vận tải, Công an các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Phương án cụ thể và triển khai thực hiện	Quý I năm 2023
IV	Sở Tài chính			
30	Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí nguồn kinh phí bảo đảm trật tự an toàn giao thông theo quy định	Sở Giao thông vận tải, Ban An toàn giao thông Thành phố, Công an Thành phố, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức	Tổng hợp, thẩm định trình Ủy ban nhân dân Thành phố, Hội đồng nhân dân Thành phố	Năm 2022 - 2025
V	Sở Quy hoạch - kiến trúc			

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
31	Xác định công tác bảo đảm trật tự, an toàn giao thông, chống ùn tắc giao thông và giảm ô nhiễm môi trường từ hoạt động giao thông vận tải là một trong các mục tiêu quan trọng khi triển khai, thực hiện các quy hoạch của Thành phố	Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức	Xây dựng tiêu chí cụ thể và đưa vào các đồ án quy hoạch	Quý I năm 2023
32	Quản lý chặt chẽ quá trình thực hiện quy hoạch, bảo đảm việc xây dựng mới hoặc chỉnh trang các khu công nghiệp, đô thị, các trung tâm thương mại, trường học, bệnh viện... phù hợp với năng lực kết cấu hạ tầng giao thông và phải bố trí quỹ đất dành cho vận tải công cộng	Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức	Kế hoạch kiểm tra, thanh tra các đồ án quy hoạch	Thực hiện thường xuyên
VI	Sở Kế hoạch và đầu tư			
33	Tham mưu chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án khu chung cư, nhà cao tầng, trung tâm thương mại khi phù hợp quy hoạch, đáp ứng yêu cầu, quy định về bãi đỗ xe, hạ tầng giao thông và kết nối giao thông	Sở Giao thông vận tải, Sở Quy hoạch - kiến trúc	Các dự án cụ thể	Năm 2022 - 2025
VII	Sở Y tế			

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
34	Tham mưu thành lập các Trung tâm cấp cứu 115 và nâng cao năng lực các cơ sở y tế hiện có	Các bộ ngành liên quan	Đề án cụ thể và triển khai thực hiện	Quý II năm 2023
VIII	Sở Giáo dục và đào tạo			
35	Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật về an toàn giao thông, kỹ năng tham gia giao thông; tuyên truyền, giáo dục cho học sinh, sinh viên sử dụng phương tiện giao thông công cộng và văn hóa giao thông khi tham gia giao thông trên phương tiện giao thông công cộng	Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức, các Đại học, Học viện, Cao đẳng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh	Kế hoạch thực hiện hàng năm, tổ chức kiểm tra định kỳ	Thực hiện thường xuyên
IX	Ủy ban nhân dân các quận - huyện, thành phố Thủ Đức			
36	Kiểm tra thực hiện quy hoạch, đầu tư xây dựng, xử lý các vi phạm về hành lang an toàn giao thông theo thẩm quyền, không để xảy ra tình trạng chiếm dụng hành lang an toàn giao thông để xây dựng công trình trái phép	Sở Xây dựng	Kế hoạch kiểm tra và thường xuyên theo dõi, cập nhật	Tháng 1 hàng năm
37	Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 22/CT-UBND ngày 29 tháng 12	Ban An toàn giao thông Thành phố, Công an Thành phố	Kế hoạch cụ thể từng năm để thực hiện, báo	Tháng 1 hàng năm

STT	Nhiệm vụ/Hành động	Cơ quan phối hợp	Sản phẩm	Tiến độ - Thời gian hoàn thành
	năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố về thực hiện công tác quản lý, sử dụng lòng lề đường, vỉa hè trên địa bàn Thành phố		cáo Ban An toàn giao thông Thành phố	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2758/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính
theo Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân
Thành phố Hồ Chí Minh (đợt 7)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố;

Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 6540/TTr-SKHĐT ngày 01 tháng 8 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này 13 quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và nội dung chi tiết của các quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Phan Văn Mãi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
I. Lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư	
1	Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)
II. Lĩnh vực đầu tư tại Việt nam	
2	Chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
3	Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
4	Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
5	Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
6	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
7	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
8	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
9	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
10	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
11	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án

STT	TÊN QUY TRÌNH NỘI BỘ
	thuộc thẩm quyền chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
12	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)
13	Gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH 1

**Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất
(đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư)**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận	01	Bản chính
2	Nội dung đề xuất dự án đầu tư gồm: tên dự án; mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, vốn đầu tư; phương án huy động vốn; thời hạn, tiến độ đầu tư; phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững của dự án đầu tư;	01	Bản chính
3	Đề xuất dự kiến nhu cầu sử dụng đất; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án (nếu có); mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt;	01	Bản chính
4	Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư;	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với

			trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 ND 31)
5	Các tài liệu cần thiết khác để giải trình hồ sơ đề xuất dự án (nếu có).	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 ND 31)

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư Địa chỉ: Số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40 ngày (quy đổi thành 29 ngày làm việc) kể từ ngày nhận được đề xuất	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhà đầu tư	Giờ hành chính	Hồ sơ theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Kiểm tra, xem xét hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư		1. BM 01 2. BM 02 3. BM 03	<p>- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển công chức xử lý thực hiện tiếp B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại	Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư.	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	<p>- Trường hợp hồ sơ nộp lần đầu: Công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng phân công.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ nộp bổ sung: Khi Nhà đầu tư nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ bổ sung đến công chức xử lý và tiếp tục thực hiện B4.2</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Lãnh đạo Phòng phân công công chức xử lý hồ sơ
B4	Xem xét, đề xuất xử lý hồ sơ				
B4.1	Trường hợp đề xuất hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung	Công chức xử lý Phòng Kinh tế đối ngoại	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Công chức xử lý hồ sơ tiến hành xem xét, thẩm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung: Tham mưu văn bản yêu cầu điều chỉnh bổ sung thực hiện tiếp B5
B4.2	Trường hợp đề xuất hồ sơ không cần điều chỉnh, bổ sung	Công chức xử lý Phòng Kinh tế đối ngoại	1,5 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Trường hợp hồ sơ không có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung và Trường hợp Nhà đầu tư nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Công chức xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo Phòng Văn bản lấy ý kiến của các Cơ quan và thực hiện tiếp B6
B5	Trường hợp hồ sơ có văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung				
B5.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	- Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B5.2	Phê	Lãnh đạo	1/2	1. BM 01	- Lãnh đạo Sở xem

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	duyet	Sở Kế hoạch và Đầu tư	ngày làm việc	2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký ban hành.
B5.3	Lấy số	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Lấy số văn bản và chuyển Văn thư Sở
B5.4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Văn thư Sở đóng dấu, phát hành và chuyển Bộ phận một cửa
B5.5	Trả kết quả, lưu hồ sơ và theo dõi	Bộ phận một cửa- Kế hoạch và Đầu tư	Giờ hành chính	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Bộ phận một cửa trả kết quả cho Nhà đầu tư
B5.6	Nộp hồ sơ bổ sung tại Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ phận một cửa- Kế hoạch và Đầu tư		1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung.	Nhà đầu tư bổ sung hồ sơ hợp lệ, công chức tiếp nhận lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ và tiếp tục thực hiện như bước B2
Trường hợp hồ sơ không có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung					
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	- Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B7	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký ban hành.
B8	Lấy số	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	Công chức xử lý lấy số, chuyển Văn thư Sở
B9	Phát hành	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	Văn thư đóng dấu, phát hành qua hệ thống văn bản liên thông đến các cơ quan để lấy ý kiến
B10	Ý kiến của các cơ quan	Các cơ quan được lấy ý kiến	10 ngày làm việc	Văn bản trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến	Các cơ quan được lấy ý kiến: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Sở Giao thông Vận tải, Ủy ban nhân dân địa phương (nơi đặt địa điểm thực hiện dự án), Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Công an Thành phố.
B11	Văn bản trả lời về	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Văn bản trả lời của các Cơ quan	Văn thư Sở nhận Văn bản trả lời của các Cơ quan từ Bưu điện/Hệ thống văn bản liên thông, chuyển lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B12	Phân công văn bản	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Văn bản trả lời	Lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại phân công văn bản cho công chức xử lý.
B13	Công chức xử lý sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Cơ quan, trình Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/ Văn bản	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 ngày làm việc	<ol style="list-style-type: none"> 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản ý kiến của các cơ quan 4. Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/ Văn bản từ chối. 	Công chức tổng hợp ý kiến của các Cơ quan trình Lãnh đạo Phòng Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/ Văn bản từ chối.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	từ chối				
B14	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	2,5 ngày làm việc	<ol style="list-style-type: none"> 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản ý kiến của các cơ quan 4. Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/ Văn bản từ chối. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư.
B15	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 ngày làm việc	<ol style="list-style-type: none"> 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản ý kiến của các cơ quan 4. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/ Văn bản từ chối trình Ủy 	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký duyệt báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/ Văn bản từ chối trình Ủy

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				Minh)/ Văn bản từ chối.	ban nhân dân thành phố chuyên công chức xử lý
B16	Phát hành Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/văn bản từ chối	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản ý kiến của các cơ quan 4. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/ Văn bản từ chối.	Công chức xử lý lấy số báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối, chuyển Văn thư Sở đóng dấu, phát hành gửi Ủy ban nhân dân thành phố
B17	Phát hành	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	1/2 ngày làm việc	Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án	Trình hồ sơ, tài liệu liên quan cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: 1. Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				<p>không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối và hồ sơ liên quan đã được Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư ký duyệt.</p>	<p>án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)</p> <p>2. Văn bản hỏi ý kiến của các cơ quan và Văn bản trả lời của các Cơ quan.</p> <p>3. Hồ sơ (Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, bao gồm cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu hồ sơ đề xuất dự án không được chấp thuận; Nội dung đề xuất dự án đầu tư gồm: tên dự án; mục tiêu đầu tư; quy mô đầu tư; sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, vốn đầu tư; phương án huy động vốn; thời hạn, tiến độ đầu tư; phân tích hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, bảo đảm quốc phòng, an ninh, phát triển bền vững của dự án đầu tư; Đề xuất dự kiến nhu cầu sử dụng đất; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					dự án (nếu có); mục đích sử dụng đất; các chỉ tiêu quy hoạch được duyệt; Hồ sơ về tư cách pháp lý, năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư; Các tài liệu cần thiết khác để giải trình hồ sơ đề xuất dự án (nếu có).
B18	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho công chức	Phòng HC-TC Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ	Kiểm tra thành phần hồ sơ, tài liệu liên quan. Tiếp nhận hoặc chuyển trả hồ sơ. Chuyển hồ sơ cho công chức được phân công xử lý (gồm văn bản giấy và văn bản điện tử)
B19	Thẩm tra hồ sơ	Công chức Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	2,5 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Thẩm tra, xử lý hồ sơ, tài liệu liên quan: - Tham mưu đề xuất trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký tờ trình và dự thảo Văn bản báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					- Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu: Trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, dự thảo văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý.
B20	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	Ký tờ trình trình Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
B21	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc ký văn bản chuyển trả (trường hợp chuyển trả thực hiện tiếp B23)

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	
B22	Phê duyệt	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	01 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký quyết định/ký văn bản thông báo từ chối
B23	Ban hành văn bản	Phòng HC-TC Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban	Cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành văn bản điện tử và văn bản giấy, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	
B24	Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân Thành phố	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	2 giờ làm việc	Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	Tiếp nhận kết quả và chuyển về Công chức xử lý
B25	Nhận kết quả	Công chức xử lý hồ sơ Phòng Kinh tế Đối ngoại	2 giờ làm việc	Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	- Đối với trường hợp kết quả là Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản thông báo từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố: Cập nhật thông tin

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					và chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa. - Đối với trường hợp nhận văn bản chuyển trả thì công chức xử lý thực hiện B13 .
B26	Trả kết quả cho Nhà đầu tư	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Theo giấy hẹn	Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh)/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.	Trả kết quả cho Nhà đầu tư
B27	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Công chức xử lý và công chức phụ trách kho Phòng Kinh tế Đối ngoại	Thường xuyên	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản ý kiến của các cơ quan 4. Báo cáo và dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của	Công chức xử lý chuyển toàn bộ hồ sơ gốc đến công chức phụ trách kho để sao lưu theo dõi.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				Ủy ban nhân dân thành phố) 5. Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố) 6. Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.	

IV. BIỂU MẪU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4.	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4.	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
5.	/	Văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan có ý kiến góp ý
6.	/	Văn bản góp ý của các cơ quan
7.	/	Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư đính kèm dự thảo Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do

		nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân thành phố)/Văn bản từ chối.
8.	/	Quyết định phê duyệt danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư/ Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.
9.	/	Toàn bộ hồ sơ công bố danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất do nhà đầu tư đề xuất (đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư) theo quy định.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2013;
- Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 06/2020/TT-BKHĐT ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban

nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH 2

Chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư	01	Bản chính
2	Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 ND 31)
3	Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 ND 31)
4	Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án	01	Bản chính

	thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ		
5	Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 ND 31)
6	Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có)	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 ND 31).

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư Địa chỉ: Số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	25 ngày (quy đổi thành 19 ngày làm việc) + 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhà đầu tư	Giờ hành chính	Hồ sơ theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, xem xét hồ sơ	Bộ phận một cửa -		1. BM 01 2. BM 02	- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		Sở Kế hoạch và Đầu tư		3. BM 03	<p>kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển Công chức xử lý thực hiện tiếp B2.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>- Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.</p>
B2	Tiếp nhận hồ sơ chuyển lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại/công chức Phòng Kinh tế đối ngoại.	Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	<p>- Trường hợp hồ sơ nộp lần đầu: Công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng phân công.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ nộp bổ sung: Khi Nhà đầu tư nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ</p>

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					bổ sung đến công chức xử lý và tiếp tục thực hiện B4.2
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Lãnh đạo Phòng phân công công chức xử lý hồ sơ
B4	Xem xét, đề xuất xử lý hồ sơ				
B4.1	Trường hợp đề xuất hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung	Công chức xử lý Phòng Kinh tế đối ngoại	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Công chức xử lý hồ sơ tiến hành xem xét, thẩm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung: Tham mưu văn bản yêu cầu điều chỉnh bổ sung thực hiện tiếp B5
B.4.2	Trường hợp đề xuất hồ sơ không cần điều chỉnh, bổ sung	Công chức xử lý Phòng Kinh tế đối ngoại	1,5 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Trường hợp hồ sơ không có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung và trường hợp Nhà đầu tư nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Công chức xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo Phòng Văn bản lấy ý kiến của các Cơ quan và thực hiện tiếp B6 .
B5	Trường hợp hồ sơ có văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung				
B5.1	Xem xét,	Lãnh đạo Phòng	02 giờ làm việc	1. Mục I	- Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	trình ký	Kinh tế Đối ngoại		2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B5.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký ban hành.
B5.3	Lấy số	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Lấy số văn bản và chuyển Văn thư Sở
B5.4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Văn thư Sở đóng dấu, phát hành và chuyển Bộ phận một cửa
B5.5	Trả kết quả và theo dõi	Bộ phận một cửa- Kế hoạch và Đầu tư		1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung.	Bộ phận một cửa trả kết quả cho Nhà đầu tư.
B5.6	Nộp hồ sơ bổ sung tại Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ phận một cửa- Kế hoạch và Đầu tư	Giờ hành chính	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung.	Nhà đầu tư bổ sung hồ sơ hợp lệ, công chức tiếp nhận lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ và tiếp tục thực hiện như bước B2

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
Trường hợp hồ sơ không có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung					
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến.	- Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B7	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký ban hành.
B8	Lấy số	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	Công chức xử lý lấy số, chuyển Văn thư Sở
B9	Phát hành	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	Văn thư đóng dấu, phát hành qua hệ thống văn bản liên thông đến các cơ quan để lấy ý kiến
B10	Ý kiến của các cơ quan	Các cơ quan được lấy ý kiến	10 ngày làm việc	- Văn bản trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến	- Các cơ quan được lấy ý kiến: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân địa phương (nơi đặt địa điểm thực hiện dự án), Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>Tư lệnh Quân khu 7, Công an Thành phố.</p> <p>- Trường hợp Nhà ở thì lấy ý kiến Sở xây dựng</p> <p>- Tùy ngành nghề đặc thù thì lấy ý kiến thêm Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Tài chính, Ban chỉ đạo 167, Sở Văn hóa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...</p>
B11	Văn bản trả lời về	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Văn bản trả lời của các Cơ quan	Văn thư Sở nhận Văn bản trả lời của các Cơ quan từ Bưu điện/Hệ thống văn bản liên thông, chuyển lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại.
B12	Phân công văn bản	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Văn bản trả lời	Lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại phân công văn bản cho công chức xử lý.
B13	Công chức xử lý sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Cơ quan, trình Ủy ban nhân dân thành phố	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 ngày làm việc	<ol style="list-style-type: none"> 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp 	Công chức tổng hợp ý kiến của các Cơ quan trình Lãnh đạo Phòng Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối			thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối. 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan	nhà đầu tư/ Văn bản từ chối.
B14	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/ Văn bản từ chối. 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan	- Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B15	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/ Văn bản từ chối. 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký duyệt Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối trình Ủy ban nhân dân thành phố, chuyển công chức xử lý.
B16	Phát hành Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo	Công chức xử lý lấy số Báo cáo thẩm định, chuyển Văn thư Sở đóng dấu, phát hành

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	đầu tư/Văn bản từ chối			thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan	Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/ Văn bản từ chối trình Ủy ban nhân dân thành phố.
B17	Phát hành	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối và hồ sơ liên quan đã được Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư ký duyệt	Trình hồ sơ, tài liệu liên quan cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: 1. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối 2. Văn bản hỏi ý kiến các Cơ quan và Văn bản trả lời của các cơ quan 3. Hồ sơ (Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư; Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư; Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư; dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ (nếu có); Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC; Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).</p>
B18	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho công chức	Phòng HC-TC Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ	Kiểm tra thành phần hồ sơ, tài liệu liên quan. Chuyển hồ sơ cho công chức được

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		phố			phân công xử lý (gồm văn bản giấy và văn bản điện tử)
B19	Thẩm tra hồ sơ	Công chức phòng chuyên môn	2,5 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Thẩm tra, xử lý hồ sơ, tài liệu liên quan: - Tham mưu đề xuất trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký tờ trình và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc dự thảo văn bản thông báo từ chối. - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu: Trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, dự thảo văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý.
B20	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	Ký tờ trình trình Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.
B21	Xem xét, ký văn bản hoặc	Lãnh đạo Văn phòng	1/2 ngày	Hồ sơ/Tờ trình/ Quyết	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan,

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	trình ký	Ủy ban nhân dân Thành phố	làm việc	định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ	ký tờ trình trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc ký văn bản chuyển trả (trường hợp chuyển trả thực hiện tiếp B23)
B22	Phê duyệt	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố	01 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/ Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký quyết định/ký văn bản từ chối .
B23	Ban hành văn bản	Phòng HC-TC Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/ Quyết định chấp thuận Nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	Cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành văn bản điện tử và văn bản giấy, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư
B24	Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân Thành phố	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ	Tiếp nhận kết quả và chuyển về Công chức xử lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				sơ	
B25	Nhận kết quả	Công chức xử lý hồ sơ Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ	<p>- Đối với trường hợp kết quả là Quyết định chấp thuận nhà đầu tư /Văn bản thông báo từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố: Cập nhật thông tin và chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa.</p> <p>- Đối với trường hợp nhận văn bản chuyển trả thì công chức xử lý thực hiện B13.</p>
B26	Trả kết quả cho Nhà đầu tư	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Theo giấy hẹn	Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố	Trả kết quả cho Nhà đầu tư.
B27	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Công chức xử lý và công chức phụ trách kho Phòng Kinh tế Đối ngoại	Thường xuyên	<ol style="list-style-type: none"> 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I. 3. Văn bản ý kiến của các cơ quan 4. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư. 	Công chức xử lý chuyển toàn bộ hồ sơ gốc đến công chức phụ trách kho để sao lưu theo dõi.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				5. Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (Mẫu A.II.5) ban hành kèm Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. 6. Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.	

IV. BIỂU MẪU

ST T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
5	BM 05	Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư (Mẫu A.I.5) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.
6	BM 06	Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (Mẫu A.II.5) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

STT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1.	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2.	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3.	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4.	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
5.	BM 05	Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư (Mẫu A.I.5) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.

6.	BM 06	Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (Mẫu A.II.5) ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.
7.	//	Văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan có ý kiến góp ý
8.		Văn bản góp ý của các cơ quan
9.	//	Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư đính kèm dự thảo Quyết định chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối.
10.	//	Toàn bộ hồ sơ quyết định chấp thuận nhà đầu tư/ Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu A.I.5**Văn bản đề nghị chấp thuận nhà đầu tư***(Khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư, các khoản 1 và 2 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ**

Kính gửi:(Cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

Nhà đầu tư đề nghị chấp thuận nhà đầu tư để thực hiện dự án đầu tư tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số....., ngày cấp....., cơ quan cấp.....với các nội dung như sau:

I. THÔNG TIN VỀ NHÀ ĐẦU TƯ**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)¹ số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)² số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Nhà đầu tư tiếp theo(nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2

¹ Là một trong các loại thông tin hoặc giấy tờ sau: Số định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

² Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

3. Tỷ lệ (dự kiến) về vốn góp của các nhà đầu tư (trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên).

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

II. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (đã được chấp thuận chủ trương đầu tư)

1. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đã cấp số...../QĐ.....ngày.....

2. Nội dung dự án:

- Tên dự án:
- Mục tiêu:.....
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Tiến độ:.....
- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ (do nhà đầu tư đề xuất)

1. **Vốn đầu tư của dự án** (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có):

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).
- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.
- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

2. **Tiến độ thực hiện dự án:**

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:.....

- Vốn góp (Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn - ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

(*) Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,

- Vốn huy động (dự kiến):

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1..... (tên nhà đầu tư) cam kết thực hiện dự án đã được (cơ quan chấp thuận chủ trương) chấp thuận chủ trương tại Quyết định số...../QĐ.... ngày..... theo đúng tiến độ đã được quy định và đáp ứng các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở, xây dựng, kinh doanh bất động sản, điều kiện đầu tư kinh doanh (nếu có) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại các điểm b, c, e, g và h khoản 1 Điều 33 của Luật Đầu tư.

2. Các tài liệu khác có liên quan.

....., ngày tháng năm ...

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có)

Mẫu A.II.5**Quyết định chấp thuận nhà đầu tư***(Khoản 3 Điều 29 Luật Đầu tư, điểm đ khoản 2 và khoản 4 Điều 30 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ
THẨM QUYỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN NHÀ ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày..... tháng.... năm...)

CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 21 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày.... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ.... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;**Căn cứ chấp thuận chủ trương số..... ngày.... tháng... năm....;**Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),**Xét báo cáo thẩm định về việc đấu giá / đấu thầu số ngày..... thángnăm.... của***QUYẾT ĐỊNH:**

Chấp thuận(tên Nhà đầu tư) là nhà đầu tư thực hiện dự án(tên dự án) đã được chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư số.....ngày của (cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư) với nội dung như sau:

Điều 1. Thông tin về Nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên:Giới tính:

Ngày sinh:.....Quốc tịch:.....

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)³ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:.....

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại:Fax:Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

....(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁴ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại:Fax: Email: Website (nếu có):.....

Nhà đầu tư tiếp theo(nếu có): ghi tương tự như tại mục 1 và 2 ở trên.

3. Tỷ lệ (dự kiến) về vốn góp của các nhà đầu tư (trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên).

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VNĐ	Tương đương USD (nếu có)	

Điều 2. Thông tin về Dự án đầu tư theo kết quả trúng đấu giá/đấu thầu

1. Vốn đầu tư của dự án (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có):

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

- Vốn huy động: (bằng chữ) đồng và tương đương ... (bằng chữ) đô la Mỹ.

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

2. Tiến độ thực hiện dự án:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:.....

- Vốn góp (Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn - ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

⁴ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

(*): *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,*

- *Vốn huy động (dự kiến):*

- *Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):*

b) *Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)*

c) *Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)*

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

Điều 3. Thời hạn hoạt động của dự án: ...năm(*được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp Quyết định chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất*)

Điều 4. Quyết định này được cấp cho (tên nhà đầu tư); một bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (trong trường hợp dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư); một bản gửi (*tên cơ quan tổ chức đấu giá/tên cơ quan tổ chức đấu thầu*) và một bản được lưu tại (*tên cơ quan đăng ký đầu tư*).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- ỦY BAN NHÂN DÂN địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu VT,...

**THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN**

*(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH 3

Điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
1	Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư	01	Bản chính
2	Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư	01	Bản chính
3	Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)
4	Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)
5	Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có)		bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)
6	Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC)	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)
7	Một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư Địa chỉ: Số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	25 ngày (quy đổi thành 19 ngày làm việc) + 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhà đầu tư	Giờ hành chính	Hồ sơ theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, xem xét hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư		1.BM 01 2.BM 02 3. BM 03	<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển công chức xử lý thực hiện tiếp B2. - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02 hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B2	Tiếp nhận hồ sơ chuyển lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại/công chức Phòng Kinh tế đối ngoại.	Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	- Trường hợp hồ sơ nộp lần đầu: Công chức tiếp nhận hồ sơ chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng phân công. - Trường hợp hồ sơ nộp bổ sung: Khi Nhà đầu tư nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ bổ sung đến công chức xử lý và tiếp tục thực hiện B4.2
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Lãnh đạo Phòng phân công công chức xử lý hồ sơ
B4	Xem xét, đề xuất xử lý hồ sơ				
B4.1	Trường hợp đề xuất hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung	Công chức xử lý Phòng Kinh tế đối ngoại	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Công chức xử lý hồ sơ tiến hành xem xét, thẩm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung: Tham mưu văn bản yêu cầu điều chỉnh bổ sung thực hiện tiếp B5
B.4.2	Trường hợp đề xuất hồ sơ không cần điều chỉnh, bổ sung	Công chức xử lý Phòng Kinh tế đối ngoại	1,5 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Trường hợp hồ sơ không có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung và trường hợp Nhà đầu tư nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Công chức xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo Phòng Văn bản lấy ý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					kiến của các Cơ quan và thực hiện tiếp B6.
B5	Trường hợp hồ sơ có văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung				
B5.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	1/2 ngày làm việc	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	- Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B5.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	1/2 ngày làm việc	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký ban hành.
B5.3	Lấy số	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Lấy số văn bản và chuyển Văn thư Sở
B5.4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Văn thư Sở đóng dấu, phát hành và chuyển Bộ phận một cửa
B5.5	Trả kết quả và theo dõi	Bộ phận một cửa- Kế hoạch và Đầu tư	Giờ hành chính	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung.	Bộ phận một cửa trả kết quả cho Nhà đầu tư.
B5.6	Nộp hồ sơ bổ sung tại Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ phận một cửa- Kế hoạch và Đầu tư		1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung.	Nhà đầu tư bổ sung hồ sơ hợp lệ, công chức tiếp nhận lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ và tiếp tục thực hiện

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					như bước B2
Trường hợp hồ sơ không có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung					
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến.	-Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) -Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B7	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký ban hành.
B8	Lấy số	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	Công chức xử lý lấy số, chuyển Văn thư Sở.
B9	Phát hành	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	Văn thư đóng dấu, phát hành qua hệ thống văn bản liên thông đến các cơ quan để lấy ý kiến
B10	Ý kiến của các cơ quan	Các cơ quan được lấy ý kiến	10 ngày làm việc	Văn bản trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến	- Các cơ quan được lấy ý kiến: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân địa phương (nơi đặt địa điểm thực hiện dự án), Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Công an Thành phố.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp Nhà ở thì lấy ý kiến Sở Xây dựng - Tùy ngành nghề đặc thù thì lấy ý kiến thêm Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Tài chính, Ban chỉ đạo 167, Sở Văn hóa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...
B11	Văn bản trả lời về	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Văn bản trả lời của các Cơ quan	Văn thư Sở nhận Văn bản trả lời của các Cơ quan từ Bưu điện/Hệ thống văn bản liên thông, chuyên lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại.
B12	Phân công văn bản	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Văn bản trả lời	Lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại phân công văn bản cho công chức xử lý.
B13	Công chức xử lý sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Cơ quan, trình Ủy ban nhân thành phố Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 ngày làm việc	<ol style="list-style-type: none"> 1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối. 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan 	Công chức tổng hợp ý kiến của các Cơ quan trình Lãnh đạo Phòng Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Dự thảo Văn bản từ chối.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
	tư/Văn bản từ chối				
B14	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối. 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan	- Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B15	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối. 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký duyệt Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/ Văn bản từ chối trình Ủy ban nhân dân thành phố, chuyên công chức xử lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B16	Phát hành Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan	Công chức xử lý lấy số Báo cáo thẩm định, chuyển Văn thư Sở đóng dấu, phát hành Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/ Văn bản từ chối trình Ủy ban nhân dân thành phố.
B17	Phát hành	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối và hồ sơ liên quan đã được Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư ký duyệt	Trình hồ sơ, tài liệu liên quan cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: 1. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối 2. Văn bản hỏi ý kiến các Cơ quan và Văn bản trả lời của các cơ quan 3. Hồ sơ (Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư; Báo cáo tình hình thực hiện dự án đầu tư đến thời điểm chuyển nhượng dự án đầu tư; Hợp đồng hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					<p>dự án đầu tư; Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư; Quyết định chấp thuận nhà đầu tư (nếu có); Hợp đồng BCC (đối với dự án đầu tư theo hình thức Hợp đồng BCC); Một trong các tài liệu sau của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất hoặc báo cáo kiểm toán vốn chủ sở hữu của nhà đầu tư, cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư, tài liệu thuyết minh năng lực tài chính của nhà đầu tư).</p>
B18	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho công chức	Phòng HC-TC Văn phòng Ủy ban nhân dân	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ	Kiểm tra thành phần hồ sơ, tài liệu liên quan. Chuyển hồ sơ cho công chức được phân công xử lý

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		Thành phố			(gồm văn bản giấy và văn bản điện tử)
B19	Thẩm tra hồ sơ	Công chức phòng chuyên môn	2,5 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	Thẩm tra, xử lý hồ sơ, tài liệu liên quan: - Tham mưu đề xuất trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký tờ trình và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư hoặc dự thảo văn bản thông báo từ chối. - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu: Trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, dự thảo văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư xử lý
B20	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ.	Ký tờ trình trình Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
B21	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc ký văn bản chuyển trả

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ	(trường hợp chuyển trả thực hiện tiếp B23)
B22	Phê duyệt	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố	01 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký quyết định/Văn bản từ chối.
B23	Ban hành văn bản	Phòng HC-TC Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ/Tờ trình/Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành văn bản điện tử và văn bản giấy, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư
B24	Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân Thành phố	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả.	Tiếp nhận kết quả và chuyển về Công chức xử lý
B25	Nhận kết quả	Công chức xử lý hồ sơ Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy	- Đối với trường hợp kết quả là Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản thông báo

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyên trả	từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố: Cập nhật thông tin và chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa. - Đối với trường hợp nhận văn bản chuyên trả thì công chức xử lý thực hiện B13 .
B26	Trả kết quả cho Nhà đầu tư	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Theo giấy hẹn	Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố	Trả kết quả cho Nhà đầu tư.
B27	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Công chức xử lý và công chức phụ trách kho Phòng Kinh tế Đối ngoại	Thường xuyên	1.BM 01 2.Hồ sơ theo mục I. 3.Văn bản ý kiến của các cơ quan 4. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư 5.Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư theo Mẫu A.II.6 ban hành kèm theo Thông tư số	Công chức xử lý chuyển toàn bộ hồ sơ gốc đến công chức phụ trách kho để sao lưu theo dõi.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				03/2021/TT-BKHĐT. 6.Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.	

IV. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
5	BM 05	Văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư (Trường hợp chuyển nhượng dự án không làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư) theo Mẫu A.I.11.b ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
6	BM 06	Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
7	BM 07	Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.6 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.

V. HỒ SƠ CẢN LƯU

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ

TT	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
5	BM 05	Văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư (Trường hợp chuyển nhượng dự án không làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư) theo Mẫu A.I.11.b ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
6	BM 06	Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh theo Mẫu A.I.12 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT;
7	BM 07	Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.6 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.
8	//	Văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan có ý kiến góp ý
9	//	Văn bản góp ý của các cơ quan
10	//	Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư đính kèm dự thảo Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư/Văn bản từ chối
11	//	Toàn bộ hồ sơ điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục

hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;

- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;

- Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

BM 05
Mẫu A.I.11.b

Văn bản đề nghị chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư

*(Trường hợp chuyển nhượng dự án không làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư)
(Khoản 8 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH NHÀ ĐẦU TƯ

Kính gửi:(Cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

Nhà đầu tư đề nghị chấp thuận nhà đầu tư khi nhận chuyển nhượng dự án đầu tư (không làm thay đổi nội dung chấp thuận chủ trương thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a,b,c,d,đ và e khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư) được quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư.....(số, ngày cấp, cơ quan cấp) (nếu có) với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ CHUYỂN NHƯỢNG

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁵ số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁶ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

⁵ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

II. NHÀ ĐẦU TƯ NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)³ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁴ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:.....

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

⁶ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

³ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

⁴ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như tại mục 1 và 2 ở trên.

III. NỘI DUNG DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp:

STT	Tên giấy	Số giấy/Mã số dự án	Ngày cấp	Cơ quan cấp	Ghi chú (Còn hoặc hết hiệu lực)

2. Nội dung dự án đầu tư:

- Tên dự án:

- Mục tiêu:

- Tổng vốn đầu tư

- Quy mô dự án:

- Tiến độ:

- Địa điểm:

- Thời hạn dự án:

IV. DỰ ÁN CHUYỂN NHƯỢNG (đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án)

1. Nội dung dự án dự kiến chuyển nhượng cho Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng:

- Tên dự án:

- Mục tiêu:

- Tổng vốn đầu tư

- Quy mô dự án:

- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:
- Hiện trạng đang thực hiện:

2. Nội dung dự án còn lại của Nhà đầu tư chuyển nhượng

- Tên dự án:
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:
- Hiện trạng đang thực hiện:

V. GIẢI TRÌNH VỀ VIỆC CHUYỂN NHƯỢNG

1. Lý do, cơ sở đề nghị chuyển nhượng.
2. Giải trình về việc đáp ứng yêu cầu quy định tại các điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 và khoản 1 Điều 46 Luật Đầu tư.

VI. CÁC NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KHÁC (nếu có):

Nhà đầu tư kê khai theo mẫu hướng dẫn tại Biểu A.I.1.1.h Phụ lục này.

VII. NHÀ ĐẦU TƯ CAM KẾT:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Chấp hành các quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định của Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh.
3. Tiếp tục thực hiện dự án đã được (cơ quan chấp thuận chủ trương) chấp thuận chủ trương dự án tại văn bản số...../QĐ.... ngày theo đúng tiến độ đã được quy định và đáp ứng các điều kiện sử dụng đất theo quy định của pháp luật đất đai, nhà ở, xây dựng, kinh doanh bất động sản, điều kiện đầu tư kinh doanh (nếu có) và điều kiện khác theo quy định của pháp luật liên quan.

VIII. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản kèm theo quy định tại khoản 5 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP .

2. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Nhà đầu tư chuyển nhượng
Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức
danh và đóng dấu (nếu có).

....., ngày tháng năm ...
Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng
Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng
dấu (nếu có)

Mẫu A.I.12

Báo cáo tình hình triển khai dự án đầu tư đến thời điểm điều chỉnh*(Khoản 1 Điều 44, Khoản 2 Điều 47 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ***(kèm theo văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày... tháng... năm ...)*

Kính gửi:(Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án (nêu tên của tổ chức) báo cáo về tình hình hoạt động của dự án (tên dự án, mã số dự án, ngày cấp, cơ quan cấp) đến ngày.... tháng.... năm với các nội dung cụ thể dưới đây:

1. Tiến độ thực hiện dự án: (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

Tổng vốn đầu tư đã thực hiện (ghi số vốn đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký):, trong đó:

- Vốn góp (ghi rõ số vốn góp đã góp của từng nhà đầu tư và thời điểm hoàn tất việc góp vốn):

- Vốn huy động (ghi số giá trị đã huy động và nguồn vốn) trong đó:

+Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :

+Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :

+ Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :

- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):

b) Tiến độ thực các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;

c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);

d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);

(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

2. Tiến độ thực hiện các nội dung khác được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư (nếu có):

- Việc đăng ký tài khoản báo cáo tình hình thực hiện dự án trên trang web của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

- Việc thực hiện các quy định về cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động...

3. Sơ lược tình hình hoạt động của dự án tính từ thời điểm thực hiện báo cáo gần nhất trên trang điện tử www.dautunocgoai.gov.vn hoặc gần nhất báo cáo tại lần điều chỉnh dự án đầu tư gần nhất:

- Doanh thu:

- Giá trị xuất, nhập khẩu:

- Lợi nhuận:

- Ưu đãi đầu tư được hưởng:

- Số lao động sử dụng: Tổng số lao động, người Việt Nam, người nước ngoài (nếu có); mức thu nhập bình quân của người lao động

-
- Tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính:
 - Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất đã nộp:
 - Các khoản thuế, phí, tiền thuê đất còn nợ (*nếu có*):
 - Các nghĩa vụ tài chính với các bên liên quan khác (*nếu có*): lương đối với người lao động, các khoản phải trả cho bên thứ ba
 - Tình hình chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, xây dựng... và các quy định pháp luật khác

....., ngày tháng năm

Nhà đầu tư/Tổ chức kinh tế thực hiện dự án

Từng nhà đầu tư/Người đại diện theo pháp luật của Tổ chức kinh tế ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (*nếu có*).

Mẫu A.II.6**Quyết định chấp thuận điều chỉnh nhà đầu tư***(Trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án)**(Khoản 6, khoản 8 Điều 48 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ
THẨM QUYỀN****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH NHÀ ĐẦU TƯ(cấp lần đầu: ngày..... tháng..... năm.....)
(điều chỉnh lần thứ.....: ngày..... tháng..... năm.....)**CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN***Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của...;**Căn cứ chấp thuận chủ trương số..... ngày..... tháng... năm.....;**Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có),**Xét báo cáo thẩm định số ngày..... thángnăm..... của***QUYẾT ĐỊNH:**

Chấp thuận điều chỉnh Nhà đầu tư thực hiện Dự án(tên dự án) được quy định tại Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh (nếu có) số....., ngày.....do.....(cơ quan nhà nước có thẩm quyền) cấp với các nội dung như sau:

Điều 1. Nhà đầu tư chuyển nhượng**1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁷ số:.....; ngày cấp:.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):.....

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁸ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:...

⁷ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

⁸ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như nội dung tại mục 1 và 2 ở trên

Điều 2. Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng

1. Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân)⁹ số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

.....(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức)⁴ số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:...

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức:

Họ tên: Giới tính:

Chức danh: Ngày sinh: Quốc tịch:

Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): thông tin kê khai tương tự như tại mục 1 và 2 ở trên.

Điều 3. Nội dung dự án chuyển nhượng

1. Đối với trường hợp chuyển nhượng toàn bộ dự án: Ghi lại thông tin nội dung dự án tại các Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) nhà đầu tư (nếu có), Quyết định chấp thuận (điều chỉnh) chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư (nếu có), Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư/Giấy phép kinh doanh đã cấp (nếu có).

2. Đối với trường hợp chuyển nhượng một phần dự án:

a. Nội dung dự án chuyển nhượng cho Nhà đầu tư nhận chuyển nhượng:

- Tên dự án:

- Mục tiêu:

- Tổng vốn đầu tư

- Quy mô dự án:

- Tiến độ:

- Địa điểm:

- Thời hạn dự án:

⁹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

⁴ Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

b. Nội dung dự án còn lại của Nhà đầu tư chuyển nhượng

- Tên dự án
- Mục tiêu:
- Tổng vốn đầu tư
- Quy mô dự án:
- Tiến độ:
- Địa điểm:
- Thời hạn dự án:

Điều 4. Quyết định này được cấp cho (tên các nhà đầu tư); một bản gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (trong trường hợp dự án đã được Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư) và một bản được lưu tại (tên cơ quan đăng ký đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu VT,...

THỦ TRƯỞNG
CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN
(ký, ghi rõ họ tên, chức danh
và đóng dấu)

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY TRÌNH 4

Chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2758/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2022
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

I. THÀNH PHẦN HỒ SƠ

T T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất bao gồm:		
1	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận	01	Bản chính
2	Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)
3	Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)

T T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
4	Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hướng ý đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi Trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi Trường.	01	Bản chính
5	Trường hợp dự án đầu tư không đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất thì nộp bản sao giấy tờ về quyền sử dụng đất hoặc tài liệu khác xác định quyền sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư	01	Bản chính/ Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)
6	Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ	01	Bản chính
7	Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC	01	Bản chính/ Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ

T T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
			liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31)
8	Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có).	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31).
9	Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung các nội dung: thuyết minh việc triển khai dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án. Đối với các dự án đầu tư xây dựng còn lại thì bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có)	01	Bản chính
10	Trường hợp dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập, trong đó đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngoài các nội dung quy định	01	Bản chính

T T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án theo quy định pháp luật về đấu thầu. Sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định của pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.		
	Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập bao gồm (chỉ áp dụng cho các cơ quan quy định tại Khoản 4 Điều 31 Nghị định 31/2021/NĐ-CP):		
1	Tờ trình chấp thuận chủ trương đầu tư;	01	Bản chính
2	Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án, điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất, dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có); đánh giá sơ bộ tác động môi Trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi Trường; dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có); cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).	01	Bản chính
	Hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận Nhà đầu tư theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Đầu tư 2020:		
	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư, gồm cả cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận	01	Bản chính

T T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	Tài liệu về tư cách pháp lý của nhà đầu tư	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31).
	Tài liệu chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: báo cáo tài chính 02 năm gần nhất của nhà đầu tư; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ, cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính, bảo lãnh về năng lực tài chính của nhà đầu tư; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính của nhà đầu tư	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31).
	Đề xuất dự án đầu tư gồm các nội dung chủ yếu sau nhà đầu tư hoặc hình thức lựa chọn nhà đầu tư, mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, vốn đầu tư và phương án huy động vốn, địa điểm, thời hạn, tiến độ thực hiện, thông tin về hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án và đề xuất nhu cầu sử dụng đất (nếu có), nhu cầu về lao động, đề xuất hướng ý đãi đầu tư, tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án, đánh giá sơ bộ tác động môi Trường (nếu có) theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi Trường	01	Bản chính
	Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện thẩm định,	01	Bản chính

T T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ		
	Hợp đồng BCC đối với dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BCC	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31).
	Tài liệu khác liên quan đến dự án đầu tư, yêu cầu về điều kiện, năng lực của nhà đầu tư theo quy định của pháp luật (nếu có)	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31).
	Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, ngoài các nội dung quy định tại điểm d khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư, đề xuất dự án đầu tư bổ sung các nội dung thuyết minh việc triển khai dự án đầu tư đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ, sơ bộ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31).

T T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	ngoài phạm vi dự án. Đối với các dự án đầu tư xây dựng còn lại thì bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có)		
	<p><i>Tài liệu, giấy tờ giải trình đề xuất hình thức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 33 Luật Đầu tư gồm:</i></p> <p>+ <i>Tài liệu chứng minh dự án không thuộc Danh mục dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh thông qua; bản sao hợp lệ Quyết định giao đất hoặc quyết định cho thuê đất, hợp đồng cho thuê quyền sử dụng đất hoặc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư có quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư;</i></p> <p>+ <i>Bản sao hợp lệ văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền chấp thuận việc nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn, thuê quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư và bản sao hợp lệ các giấy tờ, văn bản khác thỏa thuận sử dụng địa điểm để thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp đề xuất chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư đối với nhà đầu tư nhận chuyển nhượng, nhận góp</i></p>	01	Bản chính/Bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao được chứng thực từ bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc từ cơ sở dữ liệu quốc gia đối với trường hợp thông tin gốc được lưu trữ trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đăng ký doanh nghiệp và đầu tư (theo Điều 02 NĐ 31).

T T	Tên hồ sơ	Số lượng	Ghi chú
	<i>vốn, thuê quyền sử dụng đất nông nghiệp để thực hiện dự án đầu tư sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 29 của Luật Đầu tư</i>		

II. NƠI TIẾP NHẬN, TRẢ KẾT QUẢ, THỜI GIAN VÀ LỆ PHÍ

Nơi tiếp nhận và trả kết quả	Thời gian xử lý	Lệ phí
Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư Địa chỉ: Số 32 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	25 ngày (quy đổi thành 19 ngày làm việc) + 7 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Không

III. TRÌNH TỰ XỬ LÝ CÔNG VIỆC

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B1	Nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa-Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nhà đầu tư	Giờ hành chính	Hồ sơ theo mục I	Thành phần hồ sơ theo mục I
	Kiểm tra, xem xét hồ sơ	Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư		1.BM 01 2.BM 02 3.BM 03	- Trường hợp hồ sơ có đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ, chuyển công chức xử lý thực hiện tiếp B2 . - Trường hợp hồ sơ chưa đủ các điều kiện tiếp nhận theo quy định: lập Phiếu yêu cầu BM 02

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ: lập Phiếu từ chối theo BM 03 trao cho người nộp hồ sơ.
B2	Tiếp nhận hồ sơ chuyên lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại/công chức Phòng Kinh tế đối ngoại	Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	- Trường hợp hồ sơ nộp lần đầu: Công chức tiếp nhận hồ sơ cho Lãnh đạo phòng phân công. - Trường hợp hồ sơ nộp bổ sung: Khi Nhà đầu tư nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Bộ phận một cửa chuyển hồ sơ bổ sung đến công chức xử lý và tiếp tục thực hiện B4.2
B3	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Lãnh đạo Phòng phân công công chức xử lý hồ sơ
B4	Xem xét, đề xuất xử lý hồ sơ				
B4.1	Trường hợp đề xuất hồ sơ cần điều chỉnh, bổ sung	Công chức xử lý Phòng Kinh tế đối ngoại	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Công chức xử lý hồ sơ tiến hành xem xét, thẩm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung:

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					Tham mưu văn bản yêu cầu điều chỉnh bổ sung thực hiện tiếp B5
B.4.2	Trường hợp đề xuất hồ sơ không cần điều chỉnh, bổ sung	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	1,5 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I	Trường hợp hồ sơ không có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung và trường hợp Nhà đầu tư nộp bổ sung hồ sơ đầy đủ và hợp lệ: Công chức xử lý hồ sơ trình Lãnh đạo Phòng Văn bản lấy ý kiến của các Cơ quan và thực hiện tiếp B6 .
B5	Trường hợp hồ sơ có văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung				
B5.1	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	1/2 ngày làm việc	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	- Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B5.2	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	1/2 ngày làm việc	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký ban hành.
B5.3	Lấy số	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Lấy số văn bản và chuyển Văn thư Sở

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
B5.4	Phát hành văn bản	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung	Văn thư Sở đóng dấu, phát hành và chuyển Bộ phận một cửa
B5.5	Trả kết quả và theo dõi	Bộ phận một cửa- Kế hoạch và Đầu tư	Giờ hành chính	1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung.	Bộ phận một cửa trả kết quả cho Nhà đầu tư.
B5.6	Nộp hồ sơ bổ sung tại Bộ phận một cửa - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Bộ phận một cửa- Kế hoạch và Đầu tư		1. Mục I 2. BM 01 3. Văn bản yêu cầu điều chỉnh, bổ sung.	Nhà đầu tư bổ sung hồ sơ hợp lệ, công chức tiếp nhận lập Giấy biên nhận theo BM 01 trao cho người nộp hồ sơ và tiếp tục thực hiện như bước B2
Trường hợp hồ sơ không có yêu cầu điều chỉnh, bổ sung					
B6	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến.	- Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.
B7	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký ban hành.
B8	Lấy số	Công chức xử lý Phòng Kinh tế	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý	Công chức xử lý lấy số, chuyển Văn thư Sở

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		Đối ngoại		kiến	
B9	Phát hành	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3. Văn bản lấy ý kiến	Văn thư đóng dấu, phát hành qua hệ thống văn bản liên thông đến các cơ quan để lấy ý kiến
B10	Ý kiến của các cơ quan	Các cơ quan được lấy ý kiến	10 ngày làm việc	Văn bản trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến	-Các cơ quan được lấy ý kiến: Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân địa phương (nơi đặt địa điểm thực hiện dự án), Bộ Tư lệnh Thành phố, Bộ Tư lệnh Quân khu 7, Công an Thành phố. - Trường hợp Nhà ở thì lấy ý kiến Sở Xây dựng. - Tùy ngành nghề đặc thù thì lấy ý kiến thêm Sở Y tế, Sở Công thương, Sở Tài chính, Ban chỉ đạo 167, Sở Văn hóa, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn...
B11	Văn bản trả lời về	Văn thư Sở Kế hoạch và	02 giờ làm việc	Văn bản trả lời của các Cơ quan	Văn thư Sở nhận Văn bản trả lời của các Cơ quan

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		Đầu tư			từ Bưu điện/Hệ thống văn bản liên thông, chuyên lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại.
B12	Phân công văn bản	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Văn bản trả lời	Lãnh đạo Phòng Kinh tế đối ngoại phân công văn bản cho công chức xử lý.
B13	Công chức xử lý sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Cơ quan, trình Ủy ban nhân dân thành phố Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 ngày làm việc	1. BM 01 2.Hồ sơ theo mục I 3. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối. 4. Văn bản ý kiến của các cơ quan	Công chức tổng hợp ý kiến của các Cơ quan trình Lãnh đạo Phòng Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Dự thảo Văn bản từ chối.
B14	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo Phòng Kinh tế Đối ngoại	01 ngày làm việc	1. BM 01 2.Hồ sơ theo mục I 3.Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối.	- Lãnh đạo Phòng xem xét nội dung do Công chức xử lý hồ sơ trình, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có) - Ký nháy và trình Lãnh đạo Sở.

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				4.Văn bản ý kiến của các cơ quan	
B15	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư	01 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3.Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối. 4.Văn bản ý kiến của các cơ quan	- Lãnh đạo Sở xem xét nội dung, yêu cầu chỉnh sửa (nếu có). - Ký duyệt Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối trình Ủy ban nhân dân thành phố, chuyển công chức xử lý
B16	Phát hành Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương nhà đầu tư/Văn bản từ chối	Công chức xử lý Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I 3.Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối 4.Văn bản ý kiến của các cơ quan	Công chức xử lý lấy số Báo cáo thẩm định, chuyển Văn thư Sở đóng dấu, phát hành Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối trình Ủy ban nhân dân thành phố.
B17	Phát hành	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối và hồ sơ liên quan đã	Trình hồ sơ, tài liệu liên quan cho Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh: 1. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				được Lãnh đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư ký duyệt	<p>thuận chủ trương đầu tư/văn bản từ chối</p> <p>2. Văn bản hỏi ý kiến các Cơ quan và Văn bản trả lời của các cơ quan</p> <p>3. Hồ sơ theo mục I</p>
B18	Tiếp nhận hồ sơ và chuyển cho công chức	Phòng HC-TC Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	1/2 ngày làm việc	1. BM 01 2. Hồ sơ	Kiểm tra thành phần hồ sơ, tài liệu liên quan. Chuyển hồ sơ cho công chức được phân công xử lý (gồm văn bản giấy và văn bản điện tử)
B19	Thẩm tra hồ sơ	Công chức phòng chuyên môn	2,5 ngày làm việc	Lập hồ sơ trình	<p>Thẩm tra, xử lý hồ sơ, tài liệu liên quan:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu đề xuất trình Lãnh đạo phòng xem xét, ký tờ trình và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc dự thảo văn bản thông báo từ chối. - Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu: Trình Lãnh đạo Văn phòng xem xét, dự thảo văn bản chuyển trả hồ sơ cho Sở Kế hoạch và Đầu tư

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
					xử lý.
B20	Xem xét, trình ký	Lãnh đạo phòng chuyên môn	02 ngày làm việc	Hồ sơ/ Tờ trình/ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyên trả hồ sơ.	Ký tờ trình trình Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố.
B21	Xem xét, ký văn bản hoặc trình ký	Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ/ Tờ trình/ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyên trả hồ sơ	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký tờ trình trình Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc ký văn bản chuyên trả (trường hợp chuyên trả thực hiện tiếp B23)
B22	Phê duyệt	Lãnh đạo Ủy ban nhân dân Thành phố	01 ngày làm việc	Hồ sơ/ Tờ trình/ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.	Xem xét hồ sơ, tài liệu liên quan, ký quyết định/Văn bản từ chối.
B23	Ban hành văn bản	Phòng HC-TC Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố	1/2 ngày làm việc	Hồ sơ/ Tờ trình/ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyên trả hồ sơ	Cho số, vào sổ, đóng dấu, phát hành văn bản điện tử và văn bản giấy, gửi đến Sở Kế hoạch và Đầu tư

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
				hồ sơ.	
B24	Tiếp nhận hồ sơ của Ủy ban nhân dân Thành phố	Văn thư Sở Kế hoạch và Đầu tư	02 giờ làm việc	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ	Tiếp nhận kết quả và chuyển về Công chức xử lý
B25	Nhận kết quả	Công chức xử lý hồ sơ Phòng Kinh tế Đối ngoại	02 giờ làm việc	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố/Văn bản chuyển trả hồ sơ	-Đối với trường hợp kết quả là Quyết định chấp thuận chủ trương nhà đầu tư/Văn bản thông báo từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố: Cập nhật thông tin và chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa. -Đối với trường hợp nhận văn bản chuyển trả thì công chức xử lý thực hiện B13 .
B26	Trả kết quả cho Nhà đầu tư	Bộ phận một cửa Sở Kế hoạch và Đầu tư	Theo giấy hẹn	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố	Trả kết quả cho Nhà đầu tư.
B27	Lưu hồ sơ, thống kê và theo dõi	Công chức xử lý và công chức phụ	Thường xuyên	1. BM 01 2. Hồ sơ theo mục I. 3. Văn bản ý	Công chức xử lý chuyển toàn bộ hồ sơ gốc đến công chức phụ trách

Bước công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm	Thời gian	Hồ sơ/Biểu mẫu	Diễn giải
		trách kho Phòng Kinh tế Đối ngoại		kiến của các cơ quan 4. Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư 5. Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư theo Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT. 6. Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố.	kho để sao lưu theo dõi.

IV. BIỂU MẪU

T T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
5	BM 05	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
6	BM 06	Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập (Điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư) theo Mẫu A.I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT

T T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
7	BM 07	Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư) theo Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.
8	BM 08	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).

V. HỒ SƠ CẦN LƯU

T T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
1	BM 01	Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả
2	BM 02	Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ
3	BM 03	Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ
4	BM 04	Mẫu phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ
5	BM 05	Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư theo Mẫu A.I.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
6	BM 06	Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do cơ quan nhà nước có thẩm quyền lập (Điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư) theo Mẫu A.I.2 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT
7	BM 07	Đề xuất dự án đầu tư đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư) theo Mẫu A.I.3 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT.
8	BM 08	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo Mẫu A.II.1 ban hành kèm theo Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT hoặc Văn bản thông báo từ chối chấp thuận chủ trương đầu tư (nêu rõ lý do).
9	//	Văn bản đề nghị các cơ quan có liên quan có ý kiến góp ý
10	//	Văn bản góp ý của các cơ quan
11	//	Báo cáo thẩm định của Sở Kế hoạch và Đầu tư đính kèm dự thảo

T T	Mã hiệu	Tên Biểu mẫu
		Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối
12	//	Toàn bộ hồ sơ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/Văn bản từ chối của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định.

VI. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Thông tư 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
- Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;
- Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền quyết định hoặc có ý kiến của Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 03/2019/QĐ-UBND ngày 21 tháng 02 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính các lĩnh vực đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, đầu tư tại Việt Nam thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Mẫu A.I.1

Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

(Điểm a khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư, Khoản 1 Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Kính gửi: (Bộ Kế hoạch và Đầu tư/Tên cơ quan đăng ký đầu tư)

Nhà đầu tư đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

I. NHÀ ĐẦU TƯ**1. Nhà đầu tư thứ nhất:**

a) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân¹) số:; ngày cấp:; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email:

b) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức:

Tên doanh nghiệp/tổ chức:

...(Tài liệu về tư cách pháp lý của tổ chức²) số:; ngày cấp:; Cơ quan cấp:

Địa chỉ trụ sở:

Mã số thuế (tại Việt Nam - nếu có):

Điện thoại: Fax: Email: Website (nếu có):

Tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài trong doanh nghiệp/tổ chức (chi áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là doanh nghiệp/tổ chức thành lập tại Việt Nam.³):

STT	Tên nhà đầu tư nước ngoài	Quốc tịch	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
			VND	Tương đương USD	

¹ Là một trong các loại giấy tờ sau: Định danh cá nhân, thẻ Căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp khác.

² Là một trong các loại giấy tờ sau: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác.

³ Đính kèm danh sách thành viên, cổ đông nước ngoài đối với trường hợp là Công ty TNHH, Công ty cổ phần.

Tỷ lệ thành viên hợp danh là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty hợp danh (chỉ áp dụng đối với trường hợp nhà đầu tư là công ty hợp danh thành lập tại Việt Nam):

Thông tin về người đại diện theo pháp luật/đại diện theo ủy quyền của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

Họ tên: Giới tính:

Ngày sinh: Quốc tịch:

..... (Tài liệu về tư cách pháp lý của cá nhân) số:.....; ngày cấp.....; Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax: Email:

2. Nhà đầu tư tiếp theo (nếu có): kê khai thông tin tương tự như nội dung đối với nhà đầu tư thứ nhất.

II. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC KINH TẾ DỰ KIẾN THÀNH LẬP (đối với nhà đầu tư nước ngoài đầu tư theo hình thức thành lập tổ chức kinh tế)

1. Tên tổ chức kinh tế:

2. Loại hình tổ chức kinh tế:

3. Vốn điều lệ:..... (bằng chữ) đồng và tương đương (bằng chữ) đô la Mỹ (tỷ giá..... ngày..... của.....).

4. Tỷ lệ góp vốn điều lệ của từng nhà đầu tư:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)
		VND	Tương đương USD	

III. THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên dự án, địa điểm thực hiện dự án:

1.1. Tên dự án:

1.2. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với ngành nghề có mã CPC, nếu có)
1		
2		

Ghi chú:

- Ngành kinh doanh ghi đầu tiên là ngành kinh doanh chính của dự án.

- (*) Chỉ ghi mã ngành CPC đối với các mục tiêu hoạt động thuộc ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài.

3. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích: liệt kê cụ thể diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m² hoặc ha);

- Diện tích đất phù hợp quy hoạch: m² (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);

- Công suất thiết kế;
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;
- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (*diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...*);

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng:.... m²;
- Diện tích sàn xây dựng nhà ở:.... m²;
- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);
- Số lượng nhà ở: căn;
- Quy mô dân số: người;
- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:.....(*có/không*);
- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:.....(*có/không*);
- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:.....(*có/không*);

4. Vốn đầu tư và phương án huy động vốn:

4.1. Tổng vốn đầu tư:(*bằng chữ*) đồng và tương đương (*bằng chữ*) đô la Mỹ (*tỷ giá..... ngày..... của.....*), trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư:...(bằng chữ) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ.
- Vốn huy động: (*bằng chữ*) đồng và tương đương ... (*bằng chữ*) đô la Mỹ, trong đó:
 - + Vốn vay từ các tổ chức tín dụng :.....
 - + Vốn huy động từ cổ đông, thành viên, từ các chủ thể khác :.....
 - + Vốn huy động từ nguồn khác (ghi rõ nguồn) :
- Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (*nếu có*):

4.2. Nguồn vốn đầu tư:

a) Vốn góp để thực hiện dự án (*ghi chi tiết theo từng nhà đầu tư*):

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VND	Tương đương USD			

Ghi chú:

(*) *Phương thức góp vốn: ghi giá trị bằng tiền mặt, máy móc thiết bị, giá trị quyền sử dụng đất, bí quyết công nghệ,.....*

b) *Vốn huy động: ghi rõ số vốn, phương án huy động (vay từ tổ chức tín dụng/công ty mẹ, ...) và tiến độ dự kiến.*

c) *Lợi nhuận để lại của nhà đầu tư để tái đầu tư (nếu có):*

5. Thời hạn hoạt động của dự án:

6. Tiến độ thực hiện dự án: (*ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021*):

- a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn;
- b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư;
- c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành *(nếu có)*;
- d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần *(nếu có)*;
(Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

IV. NHÀ ĐẦU TƯ/TỔ CHỨC KINH TẾ CAM KẾT

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư/ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.
3. Cam kết chịu mọi chi phí, rủi ro nếu dự án không được chấp thuận.
4. Đối với nhà đầu tư là công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài: Trường hợp lựa chọn áp dụng điều kiện tiếp cận thị trường và thủ tục đầu tư như quy định đối với nhà đầu tư trong nước, thì từ bỏ tất cả các quyền và lợi ích của nhà đầu tư nước ngoài theo pháp luật trong nước hoặc theo bất kỳ điều ước quốc tế nào có thể áp dụng đối với nhà đầu tư đó.

V. HỒ SƠ KÈM THEO

1. Các văn bản quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư.
2. Các văn bản quy định tại các khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP đối với dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư *(nếu có)*.
3. Các văn bản theo pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản.
4. Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*.

....., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

*(Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và
đóng dấu (nếu có))*

Mẫu A.I.2**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do cơ quan có thẩm quyền lập)
(Điểm b khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư)*

**TÊN CƠ QUAN ĐỀ XUẤT DỰ
ÁN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:.....

ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ¹⁰

(Ngày tháng ... năm...)

1. Tên dự án (nếu có):

2. Mục tiêu hoạt động của dự án:

3. Địa điểm thực hiện dự án:

(Đối với dự án ngoài KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số nhà, đường phố/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố. Đối với dự án trong KCN, KCX, KCNC, KKT: ghi số, đường hoặc lô..., tên khu, quận/huyện, tỉnh/thành phố).

4. Quy mô dự án:

Miêu tả quy mô bằng các tiêu chí (nếu có):

- Diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến sử dụng (m^2 hoặc ha);
- Diện tích đất phù hợp quy hoạch sử dụng đất: m^2 (trừ diện tích đất thuộc lộ giới hoặc diện tích đất không phù hợp quy hoạch);
- Công suất thiết kế;
- Sản phẩm, dịch vụ cung cấp;
- Quy mô kiến trúc xây dựng dự kiến (diện tích xây dựng, diện tích sàn, số tầng, chiều cao công trình, mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất...);

Trường hợp dự án có nhiều giai đoạn, từng giai đoạn được miêu tả như trên.

Trong trường hợp có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ:

- Diện tích đất xây dựng: m^2 ;
- Diện tích sàn xây dựng nhà ở: m^2 ;
- Loại nhà ở (nhà liền kề, căn hộ chung cư, biệt thự ... theo quy định của Luật Nhà ở);
- Số lượng nhà ở: căn;
- Quy mô dân số: người;
- Vị trí dự án thuộc khu vực đô thị:(có/không);

¹⁰ Trường hợp pháp luật về xây dựng quy định lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền được sử dụng báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thay cho đề xuất dự án đầu tư này.

- Dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt:.....(có/không);

- Dự án thuộc khu vực hạn chế phát triển hoặc nội đô lịch sử (được xác định trong đồ án quy hoạch đô thị) của đô thị loại đặc biệt:.....(có/không);

5. Tổng vốn đầu tư dự kiến: (tổng vốn bằng VNĐ).....

(Trong trường hợp đề xuất lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu, đề nghị bổ sung sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án được xác định trên cơ sở tổng mức đầu tư của dự án theo quy định pháp luật về xây dựng, không bao gồm chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư).

6. Thời hạn hoạt động của dự án:

7. Tiến độ thực hiện dự án (ghi theo mốc thời điểm tháng (hoặc quý)/năm. Ví dụ: tháng 01 (hoặc quý I)/2021):

- a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn (nếu có);
- b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án;
- c) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có);
- d) Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có);

(Trường hợp dự án chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn).

8. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án:

Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyên giao công nghệ,).

9. Thông tin về đất đai:

- a) Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai;
- b) Điều kiện thu hồi đất đối với dự án thuộc diện thu hồi đất;
- c) Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nếu có);

d) Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ (nếu có).

10. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan.

11. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

12. Dự kiến hình thức lựa chọn nhà đầu tư và điều kiện đối với nhà đầu tư (nếu có).

13. Yêu cầu về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyên giao công nghệ), (nếu có).

14. Đối với dự án đầu tư xây dựng, đề nghị bổ sung các nội dung:

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị: bổ sung thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

15. Cơ chế, chính sách đặc biệt (nếu có).

16. Hồ sơ kèm theo

-
- a) Các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 33 Luật Đầu tư;
 - b) Các văn bản quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP;
 - b) Các văn bản theo pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản đối với các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị, kinh doanh bất động sản;
 - c) Các hồ sơ liên quan khác *(nếu có)*.

....., ngày thángnăm.....

Tên cơ quan đề xuất dự án

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

Mẫu A.I.3**Đề xuất dự án đầu tư**

*(Dự án thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất)
(Điểm d khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư)*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****ĐỀ XUẤT DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư
Ngày tháng ... năm....)*

I. NHÀ ĐẦU TƯ / HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

1. Nhà đầu tư (Ghi tên từng nhà đầu tư theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư)

2. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư *(nếu có)*: (Đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai/ Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đấu thầu/ Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)

Đề nghị thực hiện dự án đầu tư với các nội dung như sau:

II. ĐỀ XUẤT THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Các nội dung về tên dự án, địa điểm thực hiện dự án, mục tiêu, quy mô, vốn, phương án huy động vốn, thời hạn, tiến độ thực hiện dự án: ghi chi tiết như nội dung tại văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư

2. Đề xuất nhu cầu sử dụng đất (áp dụng đối với dự án đề nghị Nhà nước giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất).

2.1. Địa điểm khu đất: giới thiệu tổng thể về khu đất (địa chỉ, diện tích, ranh giới, vị trí địa lý):

2.2. Hiện trạng sử dụng đất tại địa điểm thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đất đai (lập bảng cơ cấu hiện trạng sử dụng đất, bản đồ hiện trạng sử dụng đất kèm theo)

2.3. Dự kiến nhu cầu sử dụng đất (nêu rõ diện tích đất và cơ cấu sử dụng đất, thời hạn, tỷ lệ sử dụng đất của từng hạng mục công trình)

2.4. Giải trình việc đáp ứng các điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đất đai.

2.5. Dự kiến kế hoạch, tiến độ giao đất, cho thuê đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai.

2.6. Dự kiến sơ bộ phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng vào các mục đích khác đối với trường hợp các dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ *(nếu có)*

3. Cơ sở pháp lý xác định quyền sử dụng khu đất *(nếu có)*.

4. Nhu cầu về lao động *(nêu cụ thể số lượng lao động trong nước, số lượng lao động là người nước ngoài cần cho dự án theo từng giai đoạn cụ thể)*

5. Đánh giá tác động, hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án: Những tác động quan trọng nhất do dự án mang lại cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành (tạo việc làm, nộp ngân sách, xuất khẩu, chuyển giao công nghệ...)

6. Giải trình về sự phù hợp của dự án với quy hoạch có liên quan

7. Đánh giá sơ bộ tác động môi trường (nếu có) theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường

8. Giải trình việc đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài (nếu có)

9. Đối với dự án đầu tư xây dựng

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở, khu đô thị: bổ sung thuyết minh việc đáp ứng mục tiêu, định hướng phát triển đô thị, chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở; dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có); sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư bảo đảm yêu cầu đồng bộ; sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội; sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng đô thị trong và ngoài phạm vi dự án, trong đó đề xuất sơ bộ phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư giữ lại để đầu tư kinh doanh, phần hạ tầng đô thị mà nhà đầu tư có trách nhiệm bàn giao hoặc đề xuất bàn giao cho địa phương;

b) Đối với các dự án đầu tư xây dựng không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này: bổ sung dự kiến phân chia dự án thành phần (nếu có).

10. Nội dung giải trình về công nghệ sử dụng trong dự án đầu tư (đối với dự án thuộc diện thẩm định, lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ, dự án đầu tư vào khu công nghệ cao theo quy định của pháp luật về công nghệ cao, nếu có).

11. Giải trình về việc đáp ứng điều kiện về suất đầu tư và lao động sử dụng đối với dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

III. ĐỀ XUẤT ƯU ĐÃI, HỖ TRỢ ĐẦU TƯ (ghi rõ cơ sở pháp lý của đề xuất ưu đãi, hỗ trợ đầu tư)

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

3. Ưu đãi về miễn, giảm tiền thuê đất, tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất (nếu có)

Cơ sở pháp lý của ưu đãi (ghi rõ tên văn bản pháp luật, điều khoản áp dụng)

4. Ưu đãi khấu hao nhanh, tăng mức chi phí được khấu trừ khi tính thu nhập chịu thuế (nếu có)

5. Ưu đãi đầu tư đặc biệt (nếu có)

6. Đề xuất hỗ trợ đầu tư (nếu có)

... .., ngày thángnăm.....

Nhà đầu tư

Từng nhà đầu tư ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu (nếu có)

Mẫu A.II.1**Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư***(Khoản 6 Điều 32, khoản 5 Điều 33, điểm d khoản 7 Điều 33 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)***CƠ QUAN CHẤP THUẬN
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ¹¹****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-...

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(cấp lần đầu: ngày..... tháng..... năm.....)

CƠ QUAN CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ*Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;**Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;**Căn cứ Thông tư số.../2021/TT-BKHĐT ngày... của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;**Căn cứ... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của... ;**Căn cứ văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo donộp ngày và hồ sơ bổ sung nộp ngày (nếu có) và ý kiến của các cơ quan liên quan,**Xét báo cáo thẩm định số ngày..... thángnăm..... của ;***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án với các nội dung sau đây:**1. Hình thức lựa chọn nhà đầu tư** (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư)**2. Tên dự án (nếu có):****3. Mục tiêu dự án:****4. Quy mô dự án¹²:**

¹¹ Áp dụng đối với dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND cấp tỉnh, Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế

¹² Đối với dự án có mục tiêu đầu tư xây dựng nhà ở (để bán, cho thuê, cho thuê mua), khu đô thị đề nghị ghi rõ: Sơ bộ cơ cấu sản phẩm nhà ở và việc dành quỹ đất phát triển nhà ở xã hội, sơ bộ phương án đầu tư xây dựng, quản lý hạ tầng

5. **Vốn đầu tư của dự án** (sơ bộ tổng chi phí thực hiện dự án, nếu có):

6. **Thời hạn hoạt động của dự án:** năm (được tính từ ngày nhà đầu tư được cấp văn bản chấp thuận nhà đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Đối với dự án đầu tư được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất thì thời hạn hoạt động của dự án được tính từ ngày nhà đầu tư được quyết định giao đất, quyết định cho thuê đất, quyết định chuyển mục đích sử dụng đất)

7. **Địa điểm thực hiện dự án:**

8. **Tiến độ thực hiện dự án:**

- Tiến độ góp vốn và tiến độ dự kiến huy động các nguồn vốn;
 - Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động hoặc khai thác vận hành (nếu có)
 - Sơ bộ phương án phân kỳ đầu tư hoặc phân chia dự án thành phần (nếu có)
- (Trường hợp dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn thì phải ghi rõ tiến độ thực hiện từng giai đoạn)

9. **Công nghệ áp dụng (nếu có):**

10. **Ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và điều kiện áp dụng (nếu có):**

Ghi rõ hình thức ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và căn cứ, điều kiện áp dụng (nếu có).

11. **Các điều kiện khác để thực hiện dự án đầu tư (nếu có):**

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện dự án đầu tư:

a)

b)

2. Giao.....tổ chức đấu giá (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất), chịu trách nhiệm về tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư để thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, pháp luật xã hội hóa, pháp luật chuyên ngành (đối với trường hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án theo hình thức đấu thầu).

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thời điểm có hiệu lực của Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư:

2.(tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân) chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho..... (tên cơ quan, tổ chức kinh tế, cá nhân nộp hồ sơ) và một bản được lưu tại (tên cơ quan chấp thuận chủ trương đầu tư).

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan tham gia thẩm định;
- Cơ quan đăng ký đầu tư;
- UBND địa phương nơi thực hiện dự án;
- Lưu VT,....

(Xem tiếp Công báo số 110 + 111)

VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: tcb.ubnd@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng